

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**TẠ THÙY CHÂU**

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH  
TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2017**

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**TẠ THÙY CHÂU**

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH  
TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chuyên ngành: Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm**

**Mã số: 60.38.01.05**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**TS. ĐỖ ĐỨC HỒNG HÀ**

**HÀ NỘI - 2017**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời tri ân đến quý thầy cô của Học Viện Khoa Học Xã Hội - Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam, quý thầy cô thỉnh giảng của Học Viện đã tận tình truyền thụ kiến thức chuyên môn cho tôi cùng các học viên.

Đặc biệt tôi xin cảm ơn Tiến sĩ Đỗ Đức Hồng Hà người thầy đã hết lòng giúp đỡ và hướng dẫn trực tiếp cho tôi trong việc thực hiện quyển luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn.

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu do chính tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của Tiến sĩ Đỗ Đức Hồng Hà. Luận văn có thừa kế các tư tưởng, kết quả nghiên cứu của những người đi trước, mọi thông tin, số liệu được sử dụng trong luận văn là trung thực và có trích dẫn nguồn đầy đủ được ghi trong danh mục tài liệu tham khảo.

Người viết.

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN</b> .....	7
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản .....	7
1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	15
1.3. Cơ chế tác động đến nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	27
1.4. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và nhân thân người phạm tội .....	29
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI GIAN QUA</b> .....	35
2.1. Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản .....	35
2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	36
2.3. Thực trạng làm sáng tỏ các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản .....	53
<b>Chương 3: GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI GIAN TỚI</b> .....	60

3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	60
3.2. Chú trọng làm rõ các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	63
3.3. Giải pháp khác khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	69
<b>KẾT LUẬN</b> .....	76
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	79

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật Tố tụng hình sự
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội
CMND	:	Chứng minh nhân dân
GS. TS.	:	Giáo sư Tiến sĩ
PGS. TS.	:	Phó giáo sư Tiến sĩ
TAND Q.1	:	Tòa án nhân dân quận 1
TAND Q.PN	:	Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận
TAND	:	Tòa án nhân dân
TAND Tp.HCM	:	Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Tp.	:	Thành phố
Tp.HCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
TS.	:	Tiến sĩ
TSXHCN	:	Tài sản xã hội chủ nghĩa
VKSND	:	Viện kiểm sát nhân dân

## **DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

Bảng 2.1: Thống kê theo giới tính của người phạm tội

Bảng 2.2: Thống kê theo tuổi của người phạm tội

Bảng 2.3: Thống kê theo trình độ học vấn của người phạm tội

Bảng 2.4: Thống kê theo nghề nghiệp của người phạm tội

Bảng 2.5: Thống kê theo tiền án, tiền sự của người phạm tội

Bảng 2.6: Thống kê theo nội dung vụ án của người phạm tội

Bảng 2.7: Thống kê theo quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân của người phạm tội

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tài sản và quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền quan trọng, thân thiết nhất của con người và luôn chiếm được sự quan tâm đặc biệt của các nhà lập pháp của bất kỳ quốc gia nào. Từ ngày thống nhất đất nước cho đến nay, Hiến pháp nước ta luôn khẳng định quyền sở hữu là một quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm ngoại trừ trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của tổ chức, cá nhân theo giá thị trường.

Để thể chế hóa quy định này của Hiến pháp, BLHS của nước ta đã dành hẳn một chương để quy định các tội xâm phạm sở hữu (Chương XIV BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009) từ Điều 133 đến Điều 152 và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 139 trong BLHS 1999.

Từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới, từng bước gia nhập ASEAN (Association of Southeast Asia Nations), WTO (World Trade Organization) thì cả nước nói chung và Tp.HCM nói riêng đã có những bước phát triển vượt bậc trên tất cả các mặt, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Là một thành phố năng động, Tp.HCM đã nhanh chóng trở thành một trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa lớn của cả nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến tích cực của nền kinh tế thị trường vẫn còn có nhiều diễn biến phức tạp làm phát sinh những vấn đề xã hội đáng quan tâm đó là sự chuyển biến của tình hình tội phạm trong nước. Nghiên cứu diễn biến tình hình tội phạm tại Tp.HCM trong những năm gần đây thì phải nhận thấy rằng tình hình tội phạm diễn biến khá phức tạp, tính chất, mức độ và thủ đoạn phạm tội của đối tượng gây án càng ngày càng tinh vi, xảo quyệt đã gây khó khăn cho công tác điều tra và xử lý tội phạm, nổi

cộm nhất là nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu và đặc biệt là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; loại tội này đang diễn biến càng ngày càng phức tạp, với thủ đoạn tinh vi hơn trước, giá trị chiếm đoạt lên đến hàng chục ngàn tỷ đồng, tội phạm có tổ chức chặt chẽ, thực hiện những vụ án lừa đảo xuyên quốc gia qua hệ thống mạng toàn cầu nên việc phát hiện và bắt giữ chúng là một điều hết sức khó khăn.

Tội phạm đã lợi dụng sự sơ hở của pháp luật, sự non yếu trong quản lý nhà nước, sự yếu kém của cán bộ, khai thác mặt trái của nền kinh tế thị trường, quản lý kinh tế,... để lừa đảo; thông qua các hoạt động môi giới dịch vụ, đại lý mua bán hàng xuất nhập khẩu, mạng Internet, các hợp đồng tín dụng, vay vốn qua ngân hàng để chiếm đoạt tài sản với số lượng lớn, làm tổn thất nguồn tài chính của nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế tại Tp.HCM. Qua đó có thể thấy rằng tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thuộc loại tội phạm có diễn biến rất phức tạp mà tính chất phức tạp của nó thể hiện ở điểm: số vụ liên tục tăng, thủ đoạn lừa đảo ngày càng tinh vi, mức độ thiệt hại về tài sản càng ngày càng nghiêm trọng. Có nhiều nguyên nhân để giải thích cho tình trạng nghiêm trọng của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tuy nhiên, việc nghiên cứu làm rõ các đặc điểm về nguyên nhân và điều kiện của loại tội phạm này trên phạm vi một địa bàn cụ thể (thông qua việc nghiên cứu đặc điểm kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, tính chất của địa bàn) sẽ giúp chúng ta lý giải phần nào tính đặc thù của loại tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM.

Với mong muốn tìm ra nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành Tp.HCM để từ đó có thể đưa ra các đề xuất nhằm có các giải pháp đấu tranh, phòng, chống loại tội phạm này. Do đó, người viết chọn đề tài ***“Nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”*** để làm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ của mình.

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu trong lĩnh vực tội phạm học cụ thể là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng ở nhiều phạm vi và góc độ khác nhau, có thể liệt kê điển hình như:

- Lê Quang Thành, *Đấu tranh phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội, năm 2016.

- Trần Anh Tuấn, *Đấu tranh phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực xuất khẩu lao động của lực lượng cảnh sát điều tra*, Luận án tiến sĩ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội, năm 2016.

- Trần Thị Phương Hiền, *Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội năm 2007.

- Nguyễn Thị Hồng Phượng, *Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng, chống*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội, năm 2014

Ngoài các công trình nghiên cứu trên còn có các công trình nghiên cứu dưới dạng giáo trình, sách chuyên khảo của một số tác giả khác có liên quan đến lĩnh vực tội phạm như: “*Giáo trình tội phạm học*” của tác giả GS.TS. Võ Khánh Vinh, nhà xuất bản Công an nhân dân năm 2011; “*Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*” của tác giả GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm; “*Tội phạm và cấu thành tội phạm*” của tác giả GS. TS. Nguyễn Ngọc Hòa, nhà xuất bản Tư Pháp năm 2015; “*Tội phạm học đương đại*” của tác giả PGS. TS. Dương Tuyết Miên, nhà xuất bản Chính trị - Hành chính năm 2013; “*Cơ chế hành vi phạm tội, cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng, chống tội phạm*” của tác giả Phạm Văn Tĩnh, tạp chí Kiểm sát số 01/1996;...

Các công trình nghiên cứu về tội phạm chủ yếu để tìm ra tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm và đề ra các giải pháp phòng, chống hành vi

phạm tội trong một tội phạm cụ thể. Trong đề tài thạc sĩ này, bản thân người viết muốn nghiên cứu để tìm ra những nguyên nhân và điều kiện nào để tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có cơ hội hình thành? Tìm ra cơ chế và mối quan hệ tác động qua lại giữa nguyên nhân và điều kiện và nhân thân người phạm tội của loại tội này rồi từ đó đề ra giải pháp loại trừ. Theo người viết, đây là một đề tài hay, mới trên địa bàn Tp.HCM, nên người viết mạnh dạn đăng ký tên đề tài luận văn thạc sĩ là “*Nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*”.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện hình thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 BLHS năm 1999, đánh giá thực trạng, nguyên nhân và điều kiện tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Tp.HCM trong 06 năm qua (từ năm 2012 đến năm 2017) từ đó đề ra một số biện pháp loại trừ tội này góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh, phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM nói riêng và cả nước nói chung.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích trên, người viết luận văn đặt ra những nhiệm vụ sau đây:

- Làm rõ các dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong BHLS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Nghiên cứu chung tình hình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM.
- Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện khách quan cũng như chủ quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM.
- Nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM.

- Nghiên cứu mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM với nhân thân người phạm tội và nạn nhân của tội phạm.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là “Nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”. Trên cơ sở xem nguyên nhân và điều kiện là khởi đầu cho một hành vi phạm tội; hạn chế, xóa bỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm để không nảy sinh và phát triển tội phạm, đề ra giải pháp phòng, chống tội phạm.

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguyên nhân và điều kiện và công tác phòng, ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM để làm sáng tỏ các vấn đề thuộc nội dung luận văn.

##### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Người viết tập trung nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện, nhân thân người phạm tội, mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân với tình hình tội phạm, thực trạng của nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm này trên địa bàn Tp.HCM từ năm 2012 đến năm 2017.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### ***5.1. Phương pháp luận***

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận là phép duy vật biện chứng của Chủ nghĩa mác - Lê Nin kết hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng, nhà nước để đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng để bảo vệ an ninh chính trị, trật tự trị an - an toàn xã hội.

##### ***5.2. Phương pháp nghiên cứu***

Trong quá trình nghiên cứu, người viết có sử dụng các phương pháp nghiên cứu thông dụng như: thu thập thông tin, thống kê tội phạm, phương

pháp phân tích và so sánh kết hợp lý luận với thực tiễn để vận dụng và hoàn thành bài luận văn này.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Luận văn góp phần làm phong phú thêm lý luận tội phạm học, ngoài ra luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong công tác giảng dạy và học tập ở các trường đào tạo về luật.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Những giải pháp được đề xuất trong luận văn nếu được áp dụng sẽ mang lại hiệu quả tích cực cho việc phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM nói riêng và cả nước nói chung.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1:** Lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**Chương 2:** Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM trong thời gian qua.

**Chương 3:** Giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM trong thời gian tới.

## Chương 1

### LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

#### 1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

*Tội phạm học là một ngành khoa học pháp lý - xã hội học nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện và các loại tình hình tội phạm, các quy luật xuất hiện, tồn tại và thay đổi của tình hình tội phạm; các nguyên nhân và điều kiện và cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện đó đến tình hình tội phạm; nhân thân người phạm tội; các biện pháp phòng ngừa và khắc phục tình hình tội phạm xảy ra trong xã hội và những vấn đề khác có liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tình hình tội phạm. [78, tr. 5]*

Theo định nghĩa trên của GS.TS. Võ Khánh Vinh thì tội phạm học là một ngành khoa học pháp lý - xã hội học. Điều đó có nghĩa, để việc nghiên cứu đạt hiệu quả cao nhất chúng ta phải đặt ngành khoa học này trong mối quan hệ biện chứng giữa khoa học pháp lý mà cụ thể là khoa học luật hình sự với xã hội học, tâm lý học và một số các ngành khoa học khác.

Vì vậy, để tạo tiền đề cho việc nghiên cứu đề tài luận văn trước tiên chúng ta tìm hiểu khái niệm về tội phạm được quy định tại khoản 1 điều 8 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2009 như sau:

#### ***Điều 8. Khái niệm tội phạm***

1. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền lợi, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các

quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Tại Điều 139 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2009 tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được quy định như sau:

***Điều 139. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Tái phạm nguy hiểm;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;
- e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;
- g) Gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;
- b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;
- b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Xuất phát từ quy định của pháp luật về tội phạm trong BLHS và dựa vào quy định của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại điều 139 BLHS, chúng ta có thể thấy khái niệm về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được định nghĩa như sau: *“Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, thông qua việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật”*. [20, tr.9]

#### ***1.1.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là những hiện tượng xã hội tiêu cực, là mối quan hệ không thể tách rời, nếu chỉ có nguyên nhân mà không có điều kiện thì sẽ không phát sinh hành vi phạm tội, sẽ không tạo ra kết quả của tội phạm và ngược lại; có khi quả của hành vi phạm tội này lại là nhân của một hành vi phạm tội khác; đây chính là tính nhân quả trong tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sự tác động qua lại lẫn nhau “nguyên nhân - hậu quả” đều tùy thuộc vào “điều kiện”; điều kiện trong quan hệ này ta có thể ví như một hạt giống muốn nảy mầm phải cần có nước làm chất xúc tác mà “điều kiện” trong trường hợp này chính là “nước”.

Theo GS.TS. Võ Khánh Vinh *“Tính nhân quả trong tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mang tính phổ biến, tính không thể đảo ngược, tính*

*liên tục về không gian và thời gian và theo bản chất của mình mỗi liên hệ nhân quả là mỗi liên hệ di truyền học bởi vì nguyên nhân nào gây ra hậu quả đó” [78, tr.75];* đồng thời đây chuyện mỗi liên hệ nhân quả này không chỉ là một nên cùng một hậu quả có thể do nhiều nguyên nhân và điều kiện tác động lên nó và đôi khi chỉ một nguyên nhân nhưng sinh ra nhiều hậu quả khác nhau.

Trước đây trong lý luận tội phạm học khi phân tích nguyên nhân và điều kiện phần lớn các nhà tội phạm học lý giải nguyên nhân và điều kiện nằm ở cơ sở hạ tầng là chính (đó là quan điểm của Mark). Ngày nay, trong ngành tội phạm học các nhà tội phạm học đã luận thêm là tính quyết định nguyên nhân và điều kiện không những nằm trong cơ sở hạ tầng còn nằm trong cơ sở ý thức và ý thức xã hội.

Để nhận thức rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM thì không thể không nghiên cứu cặp phạm trù “nhân - quả” của triết học Mác xít và “nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm” của tội phạm học. Khi nghiên cứu Tội phạm học Mác-Xít ta nhận thấy việc làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là nhiệm vụ của ngành Tội phạm học, nhưng bản thân vấn đề nguyên nhân và điều kiện lại là vấn đề của triết học Mác-Xít. Vì vậy, để thực hiện nhiệm vụ này, tội phạm học phải dựa vào lý luận của triết học Mác-Xít về vấn đề nguyên nhân và điều kiện; theo đó nguyên nhân của tình hình tội phạm được hiểu là sự tác động qua lại giữa các yếu tố của môi trường sống như các hiện tượng kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hóa, gia đình, nhà trường,... và các yếu tố thuộc về chủ quan bên trong (đặc điểm về tâm sinh lý) của người phạm tội đã tác động qua lại làm phát sinh hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS gọi đó là tội phạm.

GS.TS. Võ Khánh Vinh đã viết *“Từ quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng mỗi quan hệ nhân quả được hiểu là mối quan hệ khách quan giữa*

*các hiện tượng, trong từng hiện tượng đó (nguyên nhân) trong những điều kiện nhất định sinh ra hiện tượng khác (hậu quả)” [78, tr.75].* Mỗi quan hệ này chính là sự phụ thuộc lẫn nhau của các hiện tượng, quá trình xảy ra liên tiếp và có một mối tương quan rõ rệt, không thể tách rời. Đặc điểm của sự tác động qua lại giữa nguyên nhân và hậu quả thể hiện ở “sự chuyển tải một số lượng vật chất, năng lượng và thông tin nào đó từ nguyên nhân đến hậu quả”. Tất nhiên, sự chuyển tải thông tin là sự chuyển tải đặc thù đối với lĩnh vực quan hệ xã hội, trong đó con người là một tiểu hệ thống của nó, trong tiểu hệ thống này con người nhận vào tất cả các thông tin trong xã hội kể cả thông tin tốt lẫn thông tin xấu; do đó, tính chất hành vi của con người tùy thuộc rất lớn vào tính chất của những thông tin mà con người đó lĩnh hội trong cuộc sống hàng ngày.

Nguyên nhân của tình hình tội phạm là những hiện tượng, quá trình xã hội có khả năng làm phát sinh tình hình tội phạm trong thực tế; trong mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện với tình hình tội phạm thì nguyên nhân là nhân tố trực tiếp làm phát sinh tình hình tội phạm, luôn thể hiện những mâu thuẫn về nhiều mặt trong đời sống xã hội và những mâu thuẫn này luôn tồn tại một cách ổn định bền vững về mặt thời gian.

Điều kiện của tình hình tội phạm là những nhân tố không có khả năng trực tiếp làm phát sinh tình hình tội phạm, không chứa đựng những mâu thuẫn và xung đột trong xã hội nhưng lại tạo ra những khả năng và hoàn cảnh thuận lợi để nguyên nhân nhanh chóng làm phát sinh tình hình tội phạm. Điều kiện thường biểu hiện sự sơ hở và thiếu sót trong các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội, những nhân tố tồn tại kém bền vững, không ổn định, dễ bị phá vỡ và thay đổi.

Bản thân của tình hình tội phạm trong xã hội cũng có thể trở thành nguyên nhân và điều kiện của chính nó đã làm phát sinh tình hình tội phạm.

Nguyên nhân và điều kiện luôn có sự thay đổi liên tục về mặt lịch sử, tiến hóa theo sự tiến hóa của xã hội; xã hội loài người phát triển không ngừng thông qua các hình thái kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, công nghệ thông tin, v...v... nên nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm luôn chuyển biến theo sự phát triển của xã hội mà con người phạm tội kể cả nạn nhân của tội phạm là những nhân tố đã đóng góp một cách tích cực trong sự chuyển biến của tội phạm và được GS.TS. Võ Khánh Vinh nhận định “*nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình*” [78, tr.79]. Trên cơ sở lý luận “nguyên nhân và điều kiện” của tình hình tội phạm nói chung, ta có thể đưa ra khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

*Nguyên nhân của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực ở trong sự tác động qua lại sinh ra tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như là hậu quả tất yếu và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là những hiện tượng xã hội tiêu cực, tự nó không sinh ra tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà hỗ trợ cho nguyên nhân làm phát sinh tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.*

### ***1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

Muốn đề ra các giải pháp phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản một cách có hiệu quả, chúng ta phải tìm ra được những nguyên nhân và điều kiện nào để tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có cơ hội hình thành? Tìm ra cơ chế và mối tác động qua lại giữa nguyên nhân và điều kiện, kết quả và nhân thân người phạm tội cũng như nạn nhân của loại tội này rồi từ đó đề ra giải pháp loại trừ chúng.

Khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chúng ta phải nghiên cứu về quy luật của sự phạm tội; chúng ta cần phải xác định tổng thể các hiện tượng xã hội tiêu cực cụ thể trong mối liên hệ nhân quả với tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà chúng ta đang nghiên cứu vì tội phạm cũng phát triển theo sự phát triển của xã hội - kinh tế - chính trị nên chúng có tác động qua lại lẫn nhau làm cho hành vi phạm tội càng ngày càng tinh vi hơn, đa dạng hơn và gây hậu quả nghiêm trọng hơn so với thời gian trước đây.

Việc nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương một cách phù hợp giảm thiểu các mâu thuẫn xã hội là nguyên nhân làm phát sinh tình hình tội phạm. Chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mặc dù chỉ tác động gián tiếp nhưng lại mang tính căn bản, có ảnh hưởng rất lớn đến việc hạn chế và loại trừ dần dần những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm, trong đó có nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trên cơ sở nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đã xác định được những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong việc phát triển kinh tế - xã hội là nguyên nhân cơ bản, chủ yếu làm phát sinh tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì các cơ quan chức năng sẽ có cơ sở hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương một cách phù hợp nhằm giảm thiểu các tiêu cực xã hội là nguyên nhân làm phát sinh tình hình tội phạm.

Vì vậy, việc nghiên cứu để tìm ra nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mang một ý nghĩa rất lớn trong chiến dịch phòng, chống tội này trên địa bàn Tp.HCM nói riêng và cả nước nói chung. Ngoài ra,

việc nghiên cứu này cũng sẽ tìm ra các biện pháp để “phòng” tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tốt hơn là các giải pháp “chống” tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng các quy định của pháp luật.

Theo Patric V. Murphy, nhà tội phạm học người Mỹ thì: *“Nguyên nhân gốc rễ của tội phạm là sự đói nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm, phân biệt chủng tộc, chăm sóc sức khỏe nghèo nàn, điều kiện nhà ở tồi tệ, yếu kém về giáo dục ở trường học, khuyết tật về tinh thần, lạm dụng rượu bia, gia đình bố mẹ đơn thân, nạn có thai của trẻ chưa thành niên và một xã hội ích kỷ và tham lam”*.

Theo PGS.TS Dương Tuyết Miên, *“Các nhà tội phạm học trước đây khi lý giải về nguyên nhân của tội phạm đã dựa vào học thuyết để giải thích, cách lý giải đó ít nhiều là có cơ sở và không thể phủ nhận sự đóng góp của các học thuyết này đối với sự phát triển của tội phạm học. Tuy nhiên, ngày nay khoa học và đời sống xã hội càng ngày càng phát triển, do vậy, nếu đơn thuần chỉ dựa vào một học thuyết nào đó để giải thích về nguyên nhân của tội phạm thì cách tiếp cận đó mới giải thích nguyên nhân của tội phạm ở phạm vi hẹp và trên một phương diện nhất định”*. [14, tr.202]

Ngoài ra còn có các nhân tố được coi là “tác nhân” làm phát sinh tội phạm có sự tác động qua lại với nhau và trong tình huống cụ thể, nhất định mới có thể làm phát sinh tội phạm. Chính vì vậy, khi tìm hiểu về nguyên nhân của tội phạm đòi hỏi người nghiên cứu phải tiếp cận đa chiều với việc phân tích các nhân tố khác nhau có thể tác động, ảnh hưởng đến việc làm phát sinh tội phạm. Dựa trên kết quả nghiên cứu, người viết sẽ rút ra được những nhân tố nào là nguyên nhân chủ yếu trong việc phát sinh tội phạm, trên cơ sở đó việc xây dựng biện pháp phòng ngừa mới có định hướng cụ thể, có tính tập trung và không bị dàn trải.

Từ việc phân tích trên ta có thể hiểu: *Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm là tổng hợp các nhân tố mà sự tác động qua lại giữa chúng đưa đến việc thực hiện tội phạm của người phạm tội*.

## **1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

### ***1.2.1. Nguyên nhân và điều kiện khách quan của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

Sự hình thành và phát triển nhân cách cá nhân trong xã hội được bắt đầu từ khi con người sinh ra và trải qua hàng loạt những biến động trong cuộc sống, trong từng giai đoạn của cuộc đời; những biến động xã hội này dù xấu hay tốt cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành nhân cách của từng con người sống trong xã hội và sự hình thành nhân cách này chính là điểm mấu chốt để tạo nên một con người tốt hay xấu, thiện hay ác và điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động của cá nhân trong tương lai.

Tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng là một hiện tượng xã hội, nó nảy sinh và tồn tại trong xã hội, do đó, nó không thể không chịu sự tác động của xã hội. Môi trường xã hội chính là môi trường sống của con người nó giữ vai trò quyết định đến việc hình thành nhân cách, lối sống của con người và nó chính là điều kiện làm nảy sinh, tồn tại các loại hành vi của con người trong xã hội, trong đó có hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Chính những hành vi nguy hiểm của từng con người trong xã hội đã góp phần vào những biến động trong xã hội từ đó nảy sinh tình hình tội phạm đây chính là nguyên nhân và điều kiện khách quan của các loại tội phạm. Căn cứ vào lĩnh vực hình thành nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, có thể chia nguyên nhân và điều kiện khách quan của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản gồm những nguyên nhân và điều kiện sau:

- *Nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội*: Đây là những nhân tố thuộc về lĩnh vực kinh tế - xã hội có thể tác động làm phát sinh tội phạm như tình trạng thất nghiệp, đói nghèo, tác động của quá trình đô thị hóa, công

nghiệp hóa, hiện đại hóa, tác động của quá trình di dân, v...v... Tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập thế giới đã nảy sinh những sai lệch nhất định trong nhận thức và hành động của một bộ phận không nhỏ tầng lớp nhân dân. Những nhận thức và hành động này đi ngược lại các chuẩn mực chung của xã hội và việc thực hiện chúng đã đưa chủ thể đến việc thực hiện những hành vi cấu thành tội phạm.

Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội cũng là một trong những nguyên nhân cấu thành hành vi phạm tội; đây thực chất là một hiện tượng xã hội mà nó phản ánh quá trình phân chia xã hội thành các nhóm người có điều kiện kinh tế và chất lượng sống khác nhau. Nền kinh tế thị trường đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc phát triển kinh tế không riêng gì ở Tp.HCM mà là sự phát triển chung của cả nước; đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện; một lớp người giàu có được hình thành (có thể do thực lực và cũng có thể chỉ là do cơ hội); tuy nhiên, cũng có một số không nhỏ người dân đang đối mặt với những khó khăn trong cuộc sống hiện nay (tình trạng cá lớn nuốt cá bé, cạnh tranh không lành mạnh, các tập đoàn lớn vào chiếm lĩnh thị phần của các doanh nghiệp trong nước, v...v...) đã tạo ra rất nhiều thách thức để có thể tồn tại trong thời kỳ kinh tế mở cửa.

- *Nguyên nhân và điều kiện về văn hóa, giáo dục:* đây có thể là những nhân tố hạn chế trong quá trình quản lý, triển khai thực hiện các chính sách, chương trình về văn hóa, giáo dục có thể tác động, ảnh hưởng làm phát sinh tội phạm.

Nhà trường hiện nay vẫn còn chú trọng về việc dạy chữ đã xem nhẹ việc rèn luyện nhân cách cho học sinh thông qua các giờ dạy đạo đức, dạy cho trẻ biết yêu quý lao động, biết tôn trọng quyền con người, quyền được sống (từ con người cho đến con vật), biết yêu thương động vật, dạy cho học sinh biết thế nào là: chân, thiện, mỹ. Có rèn luyện nhân cách của trẻ từ trong học

đường thì khi về nhà hay ra xã hội những mầm non tương lai của đất nước sẽ là những hạt giống tốt cho mai sau mà trước tiên là cho chính bản thân con người đó sau là cho gia đình và cho xã hội; đồng thời xã hội cũng bớt đi một mầm mống xấu làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội.

Ngày nay, thật sự nhà trường chỉ là nơi cung cấp cho học sinh những tri thức qua sách vở, còn việc quản lý và giáo dục nhân cách, đạo đức cho học sinh còn rất buông lỏng chưa được chú trọng đúng mức hầu như việc giáo dục nhân cách và đạo đức của học sinh nhà trường đã khoán trắng cho gia đình; đây là một suy nghĩ sai lầm của hệ thống giáo dục nước ta vì chỉ chú trọng đến bảng điểm của học sinh mà quên đi rằng khi ra đời thực sự mấy ai có thể kiếm được việc làm bằng bảng điểm của mình? Đây chính là bệnh thành tích của ngành giáo dục mà hầu như không thể chữa khỏi.

Mảnh bằng chỉ là phương tiện để người học sinh “có thể” mở được cánh cửa bước vào cuộc sống tự lập nhưng thật sự có thể tự lập được hay không lại là do đạo đức, cách sống và kinh nghiệm sống của chính người đó. Nhà trường của ta đã quên đi không dạy cho học sinh đạo đức, cách sống và kinh nghiệm sống nên rất nhiều học sinh cầm mảnh bằng cử nhân trên tay nhưng chẳng xin được việc làm phải đành nhắm mắt cắt mảnh bằng đi để rồi cầm cúi chạy xe ôm hay làm những công việc lao động khác để kiếm sống qua ngày (nếu em là một người lương thiện); nhưng nếu người học sinh này là người không lương thiện thì có lẽ em sẵn sàng hoặc dễ dàng trở thành kẻ phạm tội vì nhu cầu cuộc sống thậm chí đã có trường hợp một cử nhân trẻ đã phải tự tử vì không tìm được việc làm trong một thời gian dài, người viết rất đau lòng cho trường hợp này. Có chăng ngành giáo dục nên nhìn lại mình qua những kết quả mà ngành giáo dục đã đạt được để có những giải pháp giáo dục tốt hơn tránh đi những trường hợp đau lòng như trên?

- *Nguyên nhân và điều kiện về tổ chức, quản lý*: đây có thể là một số thiếu sót, bất cập trong hoạt động của các cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực nhất định. Thuộc về nguyên nhân này có thể là các

nhân tố như: buông lỏng quản lý, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, không hợp tác trong giải quyết vụ việc, v...v...

Khi đất nước hòa nhập vào sự phát triển chung của thế giới, các thiếu sót trong việc tổ chức và quản lý trật tự xã hội đã bộc lộ rõ do bị ảnh hưởng của cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; bộ máy quản lý công kênh, nặng nề, kém hiệu quả và bị ảnh hưởng bởi mặt trái của nền kinh tế thị trường. Sự tổ chức và quản lý trật tự xã hội trong nhiều lĩnh vực còn lỏng lẻo chính là nguyên nhân và điều kiện để tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng có cơ hội phát triển. Những năm gần đây tuy hiện tượng quan liêu bao cấp đã giảm đi do có chính sách thông thoáng hơn của nhà nước để thu hút đầu tư đó là chính sách “một cửa, một dấu” nhưng tình trạng quan liêu của các cấp chính quyền vẫn không thay đổi.

Hoạt động quản lý nhân hộ khẩu trên địa bàn Tp.HCM những thời gian sau này rất lỏng lẻo, nhà nước buông lỏng quản lý nhân hộ khẩu từ các cấp địa phương trong khi tình trạng di dân từ những nơi khác đến Tp.HCM quá nhiều đã tạo nên một lỗ hổng lớn trong quản lý nhà nước; từ những sự lơ đãng đó đã là điều kiện tốt cho tội phạm phát triển không riêng gì tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- *Nguyên nhân và điều kiện về chính sách pháp luật:* Đây có thể là một số thiếu sót, bất cập của chính sách nhà nước, sự tùy nghi vận dụng pháp luật đã tác động, ảnh hưởng làm phát sinh tội phạm. Cơ quan công an, Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan chức năng khác chưa làm hết năng lực, nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện các biện pháp nhằm ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm. Sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các đoàn thể như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh và quần chúng nhân dân còn chưa cao nên các chính sách pháp luật của nhà nước chưa thực sự đi sâu đi sát vào quần chúng khiến cho sự triển khai về kế hoạch phổ biến pháp luật của nhà nước chưa thực sự có hiệu quả.

- Nguyên nhân và điều kiện trong sự gắn kết giữa gia đình, nhà trường và xã hội: Khi đứa trẻ sinh ra, cái xã hội đầu tiên mà đứa trẻ đó hội nhập chính là gia đình. Lúc này gia đình mang một ý nghĩa rất lớn đối với đứa trẻ, đứa trẻ như một tờ giấy trắng tất cả những nét vẽ đầu tiên trên tờ giấy ấy đẹp hay xấu, hay hay dở đều do những thành viên trong gia đình viết lên, vẽ lên trang giấy trắng đó và nhân cách của đứa trẻ cũng hình thành từ đó. Vì vậy, môi trường gia đình đóng một vai trò rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách một con người tốt hay xấu, thiện hay ác, có lệch lạc về nhận thức hay không? phần lớn là do nền giáo dục của mỗi gia đình mà đứa trẻ là một thành viên trong gia đình đó.

Khi đứa trẻ bắt đầu có nhận thức nó sẽ học hỏi và bắt chước những hành vi của những thành viên trong gia đình mà nó có dịp quan sát bao gồm cả hành vi tốt cũng như hành vi xấu; ngay từ những tiếng nói bập bẹ đầu đời đứa bé cũng học theo theo cách nói của những người xung quanh nó. Nếu trong một gia đình hạnh phúc có đủ cha mẹ, sống hòa thuận với nhau, mọi thành viên đều có những thói quen tốt, nói năng lễ phép, cử chỉ hòa nhã, biết kính trên nhường dưới, biết tôn kính cha mẹ ông bà, lấy việc học hành làm trọng, cha mẹ kiếm tiền một cách lương thiện thì những đứa trẻ sinh ra trong gia đình ấy phần lớn sẽ là người tốt, lớn lên sẽ giúp ích được cho gia đình, cho xã hội vì tất cả những thói quen tốt ấy đều được thâm nhập vào đầu óc đứa trẻ một cách tự nhiên như giòng nước luôn chảy vào chỗ trũng. Nhưng, nếu một đứa trẻ sinh ra trong một gia đình mà cha mẹ ly hôn, các thành viên trong gia đình suốt ngày cãi nhau, dùng những lời lẽ thô tục để nói chuyện với nhau, có thái độ hung hăng, không biết kính trên nhường dưới, học hành không đến nơi đến chốn, kiếm tiền bằng những thủ đoạn bất lương, gian xảo thì những đứa trẻ sinh ra trong gia đình đó hầu hết trở thành những căn bã của xã hội, nguy cơ để trở thành tội phạm là rất cao. Nhưng cũng có một số

trường hợp cá biệt, cá nhân sinh ra trong một gia đình quan chức, có địa vị cao trong xã hội, có học, có nề nếp gia đình nhưng sau này cá nhân đó vẫn trở thành tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vi phạm pháp luật mà mình đã gây ra, đó là do nhận thức sai lầm của chính con người đó không phải do tác động của gia đình.

Ngoài ra, nhân cách của đứa trẻ hình thành một cách lệch lạc còn do sự thiếu chăm sóc của cha mẹ vì cha mẹ mãi mê kiếm tiền, đam mê quyền lực, không thường xuyên tiếp xúc trao đổi với con cái, phó mặc con cái cho người giúp việc chăm sóc, để con cái phát triển một cách tự nhiên, phó thác việc giáo dục con cái cho nhà trường, cho xã hội; nuông chiều con cái quá mức hoặc quá hà khắc đều ảnh hưởng đến nhân cách của đứa trẻ; khi thấy con sai đã không dạy dỗ, uốn nắn mà cha mẹ lại có thái độ thờ ơ, không quan tâm mà đôi khi lại dung túng cho con làm những việc sai trái không dám công khai dạy dỗ con vì sĩ diện của cá nhân mình hay của cả gia đình.

Khi đứa trẻ bắt đầu lớn lên, cái xã hội nhỏ bé mà nó hòa nhập đầu tiên chính là nơi cư trú của nó. Đây cũng là một môi trường khá quan trọng để hình thành nhân cách của đứa trẻ có thể góp phần vào sự quyết định sau này đứa trẻ này có thể trở thành tội phạm hay không? Nếu đứa trẻ sống trong một môi trường cư trú lành mạnh, an toàn, mọi người biết quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, không có tệ nạn xã hội, không có băng nhóm tội phạm, mọi người biết chí thú làm ăn, biết nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của nhà nước thì đây chính là môi trường sống tốt để hình thành nên một nhân cách tốt. Nếu ngược lại, một đứa trẻ sống trong một môi trường sống không lành mạnh, bất an, mọi người không biết quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, nơi đây là hang ổ của tệ nạn xã hội và các băng nhóm tội phạm như cờ bạc, hút sách, đĩ điếm, phần lớn cư dân nơi đây kiếm tiền bằng những thủ đoạn bất lương, trái pháp luật thì hầu như đứa trẻ sẽ dễ dàng tiêm nhiễm những thói hư tật xấu của cái xã hội thu

nhỏ mà nó đang lớn lên từng ngày mà theo lẽ thường tình thì cái xấu dễ học hơn cái tốt.

Khi đến tuổi đi học thì môi trường trường học là một xã hội lớn hơn cái môi trường cư trú mà nó từng sống. Đây cũng là khởi đầu cho lứa trẻ tìm hiểu thế giới xung quanh nó, vì vậy sự nhận thức cũng như sự học hỏi của lứa trẻ được mở rộng hơn không chỉ nằm trong phạm vi gia đình và cộng đồng cư dân mà nó đang sống, lứa trẻ lúc này được mở rộng tầm nhìn hơn một chút, được tiếp xúc với thầy cô giáo, bạn bè và sự giáo dục của nhà trường. Nếu lứa trẻ sống trong một môi trường trường học có nhiều nhân tố lành mạnh như có bạn bè tốt, thầy cô giáo tận tâm chăm lo cho học sinh, thầy cô giáo là tấm gương tốt cho học sinh noi theo thì lứa trẻ này hầu như sẽ là một người công dân tốt cho xã hội nếu sau này chẳng may bị phạm tội thì cũng do một hoàn cảnh bất đắc dĩ nào đó thôi. Trái lại, nếu lứa trẻ sống trong một môi trường trường học có nhiều nhân tố không lành mạnh thì cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình phát triển và hình thành nhân cách của trẻ như: Kỷ luật nhà trường lỏng lẻo, không quan tâm đến tâm sinh lý đang phát triển của học sinh, không ngăn chặn kịp thời những hành vi bạo hành học đường đang gây nhức nhối trong xã hội, giao du với bạn bè xấu, tụ tập rong chơi sau giờ học, thường xuyên bỏ học đi chơi, quan hệ nam nữ không lành mạnh, một số giáo viên trong trường có biểu hiện xuống cấp trong đạo đức và tác phong của người đứng lớp... từ những nhân tố không lành mạnh đó đã ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ dễ dẫn đến các hành vi phạm tội khi trẻ có điều kiện thực hiện.

Khi ra đời, môi trường làm việc cũng là một môi trường quan trọng để hình thành nhân cách của một con người. Có những lứa trẻ vì hoàn cảnh gia đình khó khăn phải nghỉ học ra đời sớm, nhận thức xã hội còn non kém, thường rơi vào những điều kiện làm việc không thuận lợi vì trình độ học vấn

thấp phải làm những việc lao động nặng nhọc, lương thấp, trong chỗ làm nhiều bạn bè xấu, thiếu kiến thức pháp luật, v...v... nên đưa trẻ dễ bị sa ngã vào những thói hư tật xấu, muốn kiếm tiền để phục vụ những nhu cầu của bản thân đã thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật để trở thành tội phạm trong xã hội. Ngoài ra còn có những người học cao, hiểu rộng; là cán bộ, công chức nhà nước làm việc ở những cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các vụ việc, ngân hàng, v...v... trong môi trường làm việc này có thể có bạn xấu, có đối tác làm việc xấu cũng dễ bị lôi cuốn vào những việc làm trái pháp luật nếu người đó không có một cái đầu tinh táo để nhận ra cái đúng, sai trong việc làm của mình vì thế cũng dễ dẫn đến hành vi phạm tội.

- *Nguyên nhân và điều kiện từ chính nạn nhân:* Trong quá trình tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chúng ta không thể bỏ quên việc tìm hiểu về vai trò của nạn nhân trong quá trình làm nảy sinh tội phạm vì nếu không có nạn nhân thì quá trình phạm tội sẽ không hoàn thành, trong trường hợp này nạn nhân của tội phạm có thể là cá nhân, pháp nhân, thể nhân hay tổ chức.

Nạn nhân hay “người bị hại” của tội phạm phải là những con người cụ thể được pháp luật bảo vệ khi bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, tinh thần hay tài sản đã được quy định tại Điều 51 trong BLTTTHS năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011. Có những trường hợp chính nạn nhân là người thúc đẩy hành vi phạm tội và vô tình tạo điều kiện cho người phạm tội thực hiện hành vi cấu thành tội phạm; sự lơ đãng của nạn nhân trong việc quản lý tài sản; lòng tham của nạn nhân chính là những nguyên nhân và điều kiện tốt cho đối tượng phạm tội có điều kiện thực hiện hành vi phạm tội của mình.

TS. Trần Hữu Tráng đã định nghĩa nạn nhân của tội phạm như sau: *“Nạn nhân của tội phạm là những cá nhân, tổ chức phải chịu những hậu quả thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần, tình cảm, tài sản hoặc các quyền*

và lợi ích hợp pháp khác mà những hậu quả thiệt hại này là do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra” [28, tr.19]

Cũng theo TS. Trần Hữu Tráng: Căn cứ vào vai trò của nạn nhân trong cơ chế hành vi phạm tội, có thể chia thành nạn nhân có lỗi và nạn nhân không có lỗi:

*Thứ nhất:* Nạn nhân có lỗi là những nạn nhân đã có những hành vi, xử sự không đúng chuẩn mực đã tạo điều kiện thuận lợi hoặc thúc đẩy hành vi phạm tội được thực hiện. Nạn nhân có lỗi nhỏ là những nạn nhân có lỗi vô ý trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe hay tài sản của mình và của người thân trong gia đình. Nạn nhân có lỗi nghiêm trọng là những người có các hành vi trái đạo đức, trái thuần phong, mỹ tục thậm chí là có các hành vi khiêu khích, hành vi gây gổ hoặc tấn công người khác.

*Thứ hai:* Nạn nhân không có lỗi là những người có hành vi xử sự hoàn toàn đúng đắn, tuân thủ đúng những chuẩn mực đạo đức, thuần phong, mỹ tục và pháp luật; hành vi của họ hoàn toàn không tạo điều kiện thuận lợi hay thúc đẩy hành vi phạm tội. Nói cách khác, hành vi phạm tội hoàn toàn không liên quan đến các hành vi xử sự của họ. [28, tr.24]

Nạn nhân của tội phạm có thể là: trẻ em, nữ giới, nam giới, người già, những người mắc bệnh tâm thần, người tàn tật, người trí tuệ kém phát triển, người hạn chế về học vấn, người thiếu số, v...v... Mỗi nhóm nạn nhân này đều có những đặc điểm đặc trưng về tâm sinh lý sẽ là những yếu tố thuận lợi tạo điều kiện làm phát sinh hay thúc đẩy nguy cơ trở thành nạn nhân của các loại tội phạm nói chung và của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng.

### ***1.2.2. Nguyên nhân và điều kiện chủ quan của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

Nguyên nhân và điều kiện chủ quan của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bắt nguồn từ chính con người phạm tội. Muốn nghiên cứu về

nguyên nhân và điều kiện chủ quan của tình hình tội phạm chúng ta phải tập trung nghiên cứu nhân thân người phạm tội. Nhân thân người phạm tội là một bộ phận cấu thành tất yếu và rất quan trọng của cơ chế hành vi tội phạm; nghiên cứu nhân thân người phạm tội có thể thấy nhân thân người phạm tội được chia làm hai nhóm với đặc điểm cụ thể như sau:

#### *1.2.2.1. Đặc điểm sinh học của người phạm tội*

Khi nghiên cứu các đặc điểm tự nhiên của người phạm tội chính là việc chúng ta nghiên cứu về giới tính, độ tuổi, dân tộc, quốc tịch, nơi sinh và nơi thường trú của người phạm tội. Tùy thuộc vào các công trình nghiên cứu khác nhau mà các đặc điểm tự nhiên này ở người phạm tội được đặt ra nghiên cứu.

- *Đặc điểm về giới tính:* Thực tế qua công tác nghiên cứu tình hình tội phạm ở nước ta cũng như các nước trên thế giới đã cho thấy số lượng giữa nam giới và nữ giới phạm tội có khác nhau, nam giới thường phạm tội nhiều hơn so với nữ giới. Việc nam giới phạm tội nhiều hơn nữ giới không phải do đặc điểm sinh lý của nam giới khác với nữ giới, mà là do những điều kiện hình thành phẩm chất cá nhân và sự tiếp nhận giáo dục của nam giới có những đặc điểm khác với nữ giới. Nghiên cứu các đặc điểm giới tính của người phạm tội là nam giới đã chỉ ra rằng nam giới dễ bị ảnh hưởng bởi các thói hư tật xấu, dễ bị tiêm nhiễm tệ nạn xã hội và dễ hình thành phẩm chất cá nhân tiêu cực, trạng thái tâm lý tiêu cực hơn so với nữ giới. Điều này cũng có nghĩa là, tổ chức phòng ngừa tội phạm trong xã hội cần tập trung nhiều vào nam giới là điều cần thiết.

- *Đặc điểm về độ tuổi:* Độ tuổi ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách trong đặc điểm nhân thân người phạm tội. Dấu hiệu về độ tuổi của người phạm tội cho phép nói lên các đặc điểm xử sự trái xã hội của những người ở những độ tuổi khác nhau, cũng như tính chất riêng biệt của cơ cấu về độ tuổi của các nhóm người phạm tội khác nhau. Khi

ngiên cứu về độ tuổi của người phạm tội đã cho ta thấy độ tuổi của nam giới thấp hơn nữ giới khi phạm tội; điều này cảnh báo rằng nên quan tâm hơn cho sự phát triển tâm sinh lý, giáo dục nhân cách cho bé trai nhiều hơn.

- *Đặc điểm về nơi cư trú:* Nơi cư trú, nơi sinh sống có ảnh hưởng không nhỏ đến tình trạng phạm tội nói chung và tội phạm cụ thể nói riêng. Bản chất nơi cư trú đã chứa đựng các điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa đặc thù. Nghiên cứu tình hình tội phạm ở nước ta cũng như các nước khác trên thế giới cho thấy, tỷ lệ tội phạm thường tập trung ở các thành phố lớn, như ở Tp.HCM, Tp. Hà Nội... Ở các địa phương cũng vậy, tỷ lệ tội phạm cao thường diễn ra ở những vùng có kinh tế phát triển, có nhiều nơi vui chơi, giải trí. Trong những năm gần đây, tội phạm ở nông thôn cũng không ngừng gia tăng cả về số hành vi phạm tội, số bị cáo và số vụ án. Tính chất các vụ án ngày càng phức tạp hơn, nguy hiểm hơn, các vụ án có đồng phạm cũng gia tăng không ngừng.

#### 1.2.2.2. *Đặc điểm xã hội của người phạm tội*

Ngiên cứu đặc điểm xã hội của nhân thân người phạm tội, chính là việc chúng ta nghiên cứu các nội dung gắn bó mật thiết với người phạm tội như trình độ học vấn, nghề nghiệp, tôn giáo - tín ngưỡng, sở thích lệch lạc, hoàn cảnh gia đình, công trạng, chức vụ, v...v... có thể nói đặc điểm xã hội của người phạm tội là rất nhiều như:

- *Đặc điểm về trình độ học vấn:* Trình độ học vấn cũng phản ánh sự phát triển lý trí và hình thành nhân cách, tạo cho con người còn có thể lựa chọn được cách ứng xử đúng với chuẩn mực xã hội. Vì vậy, trình độ học vấn của con người có ảnh hưởng đến hành vi phạm tội; suy ra, trình độ học vấn và hành vi phạm tội của chủ thể có mối liên hệ mật thiết với nhau.

- *Đặc điểm về nghề nghiệp:* Nghề nghiệp của người phạm tội có vị trí quan trọng khi phân tích đặc điểm nhân thân của người phạm tội. Địa vị xã

hội cao và nghề nghiệp ổn định sẽ tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển nhân cách con người kể cả tốt lẫn xấu; đồng thời đây cũng là điều kiện để bảo đảm cuộc sống, tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết các mâu thuẫn xã hội mà trực tiếp là kinh tế khi cần thiết. Thông thường khi trình độ văn hóa thấp thì sẽ khó kiếm được một công việc và thu nhập ổn định nên dễ nảy sinh hiện tượng tiêu cực trong cuộc sống .

- *Đặc điểm về hoàn cảnh gia đình:* Hoàn cảnh gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành những phẩm chất tâm lý tiêu cực của con người, dẫn đến họ sẽ có tính chống đối xã hội, và có những hành vi đi ngược với các chuẩn mực xã hội. Chính yếu tố gia đình trong đa số trường hợp đã kích thích tính tích cực của mỗi thành viên, đồng thời gia đình giữ vai trò kiểm sát, giám sát hành vi của những thành viên trong gia đình, hạn chế đến mức tối đa các hiện tượng tiêu cực phát sinh trong mỗi con người.

Khi xét về đặc điểm động cơ, mục đích của người phạm tội thể hiện trạng thái tâm lý của chủ thể đối với hành vi phạm tội, nó thuộc mặt chủ quan của tội phạm. Khi thực hiện một tội phạm bất kỳ, chủ thể luôn có những động cơ và mục đích nhất định, đó là động lực bên trong thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi phạm tội. Động cơ, mục đích là suy nghĩ bên trong, nó xuất hiện trong suy nghĩ của chủ thể trước khi chủ thể thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong BLHS. Động cơ được hiểu là động cơ bên trong thúc đẩy sự hành động của chủ thể, còn mục đích là cái mong muốn đạt được của chủ thể khi thực hiện hành vi. Đặc điểm này luôn gắn với những nhóm tội được quy định trong BLHS, như nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu thì mục đích của người phạm tội là chiếm đoạt tài sản của người khác, hoặc nhóm tội về ma túy vì mục đích siêu lợi nhuận.

Như vậy, nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm, những dấu hiệu quan trọng thể hiện rõ nhất bản chất xã hội của con người thực hiện

hành vi phạm tội. Nghiên cứu nhân thân người phạm tội cũng là biện pháp để bảo vệ quyền con người trong đó có người phạm tội. Nghiên cứu nhân thân người phạm tội có một ý nghĩa quan trọng để tạo ra một môi trường tích cực toàn diện, mục đích là không cho những phẩm giá tiêu cực của chủ thể có môi trường tiêu cực để thực hiện hành vi phạm tội, qua đó cũng tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục chủ thể có phẩm chất tâm lý tiêu cực trước khi họ phạm tội. Đó cũng là nội dung của chiến lược phòng ngừa sớm trong lý luận tội phạm học nói chung, nội dung chiến lược phòng ngừa sớm cũng đang được Đảng và nhà nước ta tích cực triển khai và thực hiện trên diện rộng.

### **1.3. Cơ chế tác động đến nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất của Việt Nam, đồng thời cũng là một trong những trung tâm kinh tế và văn hóa, giáo dục quan trọng nhất của Việt Nam. Hiện nay, Tp.HCM là thành phố trực thuộc Trung ương được xếp loại đô thị loại đặc biệt của Việt Nam (cùng với thủ đô Hà Nội). Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, Tp.HCM ngày nay bao gồm 19 quận và 5 huyện, tổng diện tích 2.095,06 km<sup>2</sup>. Theo kết quả điều tra dân số chính thức vào thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2009 thì dân số thành phố là 7.162.864 người (chiếm 8,34% dân số Việt Nam), mật độ trung bình 3.419 người/km<sup>2</sup>. Đến năm 2011 dân số thành phố tăng lên 7.521.138 người. Theo thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2014 thì dân số Tp.HCM là 8.244.400 người. Tuy nhiên nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của thành phố này năm 2017 là khoảng 14 triệu người. Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, Tp.HCM chiếm 21,3% tổng sản phẩm (GDP) và 29,38% tổng thu ngân sách của cả nước. Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, Tp.HCM trở thành một đầu mối giao thông quan trọng của Việt Nam và Đông Nam Á, bao gồm cả đường

bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, truyền thông, thể thao, giải trí, Tp.HCM đều giữ vai trò quan trọng bậc nhất.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có những diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng về số lượng lẫn giá trị tài sản bị chiếm đoạt đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, kinh tế của Tp.HCM cũng như của cả nước.

Dưới góc độ tội phạm học, nguyên nhân của tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực bắt nguồn từ đời sống xã hội; từ đó, làm phát sinh tình hình tội phạm tại một địa bàn trong một khoảng thời gian nhất định; điều kiện của tình hình tội phạm là những nhân tố không trực tiếp làm phát sinh tội phạm mà chỉ tạo ra hoàn cảnh thuận lợi cho sự hình thành, tồn tại và phát triển của tình hình tội phạm.

Nhìn chung “Nguyên nhân và điều kiện” của tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng xảy ra trên thực tế luôn luôn là kết quả của sự tác động qua lại giữa các yếu tố thuộc môi trường xã hội bên ngoài và các yếu tố tâm sinh lý tiêu cực xuất phát từ cá nhân người phạm tội. Sự tác động này diễn ra theo một cơ chế nhất định mang tính quy luật được gọi là cơ chế hành vi phạm tội. Cơ chế này vận hành theo công thức S - X - R. Trong đó:

- S là kích thích khách thể, chính là các yếu tố tác động của môi trường sống;

- X là kích thích phương tiện, giữ vai trò của khâu trung gian, đó là hoạt động sinh lý và tâm lý với tính cách là “các điều kiện bên trong”;

- R là hành vi trả lời các kích thích khách thể theo một quá trình đầy đủ gồm ba khâu: động cơ hóa hành động, ấn định kế hoạch hành động, thực hiện hành động và sau đó là nảy sinh hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

TS. Phạm Văn Tình đã chỉ ra rằng: *cơ chế tác động đến nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản về bản chất nó gắn liền cá nhân với môi trường bên ngoài, nó là sự ứng xử của cá nhân đối với các tác động của môi trường xã hội trên cơ sở những thông tin di truyền và thông tin xã hội, là sự hình thành thái độ đối với hành động và là hành động bị quy định bởi các yếu tố tâm lý cá nhân và bị cấm bởi pháp luật hình sự.* [22, tr.19]

#### **1.4. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và nhân thân người phạm tội**

##### ***1.4.1. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một mối quan hệ mật thiết cùng tồn tại và cùng phát triển theo sự tiến hóa của xã hội.

Cùng với sự phát triển chung của thế giới, Việt Nam với xu hướng mở cửa như hiện nay việc du nhập vào nước ta cả cái tốt lẫn cái xấu là điều không thể tránh khỏi; tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản gia tăng một cách đáng kể về số lượng, trị giá chiếm đoạt và thủ đoạn lừa đảo ngày càng tinh vi hơn dẫn đến tình hình tội phạm diễn biến hết sức phức tạp.

Nguyên nhân của tình hình trên một phần là do các yếu tố khách quan như tác động của những vấn đề xã hội phức tạp nảy sinh trong cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; sự xuống cấp về đạo đức xã hội, lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền, làm ăn chộp giật,... đã làm tình hình tội phạm gia tăng nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là do những hạn chế, yếu kém trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là phòng ngừa xã hội; nhiều cấp, nhiều ngành còn đứng ngoài cuộc hoặc chỉ tham gia một cách hình thức,

chiều lệ, có tính cách đối phó; tổ chức ở một số ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo toàn diện công tác phòng, chống tội phạm, vì vậy, nhiệm vụ phòng, chống tội phạm chưa được đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển theo yêu cầu của Đảng và nhà nước đó cũng chính là nguyên nhân và điều kiện tốt để tội phạm có cơ hội phát triển.

Tính chất của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày càng nguy hiểm, mang yếu tố quốc tế, có tổ chức, xuyên quốc gia và sử dụng công nghệ cao nhất là trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng cộng với sự quản lý lỏng lẻo của các cơ quan công quyền, mức độ gây ra hậu quả của loại tội phạm này ngày càng lớn, xâm phạm nghiêm trọng trật tự, kỷ cương pháp luật xã hội chủ nghĩa, lợi ích của nhà nước và xã hội, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; làm suy giảm niềm tin của nhân dân và cản trở công cuộc phát triển của đất nước. Ngoài ra xu hướng tội phạm cấu kết với nhau hình thành các tập đoàn tội phạm lớn hoạt động đa lĩnh vực, liên tỉnh, xuyên quốc gia, nếu không được đấu tranh ngăn chặn sẽ phát triển mạnh làm tình hình tội phạm trong nước ngày càng thêm phức tạp, công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ngày càng khó khăn hơn.

#### ***1.4.2. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với nhân thân người phạm tội***

Như người viết đã phân tích ở tiểu mục 1.2.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bắt nguồn từ chính con người phạm tội. C. Mác viết: *“Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”* ngoài ra C.Mác còn viết *“sự phát triển của một cá nhân được quyết định bởi sự phát triển của tất cả những cá nhân khác”* và GS.TS. Võ Khánh Vinh cũng đã khẳng định: *“Việc phân tích các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm và của tội phạm cụ thể*

*chỉ ra rằng không thể nhận thức, hiểu biết được các nguyên nhân và điều kiện đó nếu thiếu việc cân nhắc nhân thân người phạm tội, bản chất, các đặc điểm và quá trình hình thành nó. Nhân thân người phạm tội là một bộ phận cấu thành tất yếu và rất quan trọng trong cơ chế hành vi tội phạm, còn các hoàn cảnh của sự hình thành các đặc điểm tâm lý xã hội tiêu cực của cá nhân xuất hiện trước các đặc điểm của cá nhân nằm trong mối quan hệ nhân quả với tình hình tội phạm”. [78, tr.115]*

Hành vi phạm tội do con người cụ thể gây ra, đều có sự tham gia của nhận thức, cảm xúc và ý chí; đây chính là những đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội; những đặc điểm này được tích lũy và hình thành cùng với quá trình phát triển về thể chất và nhân cách của người phạm tội và đặc trưng của người phạm tội là tính nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi do người phạm tội gây ra. Như đã phân tích ở trên, tội phạm học là một khoa học pháp lý - xã hội học; do đó, khi nghiên cứu nhân thân người phạm tội để từ đó tìm ra nguyên nhân và điều kiện nào tội phạm có thể thực hiện hành vi phạm tội của mình cần phải được dựa vào cơ sở pháp lý vững chắc để nghiên cứu. Vì thế ở nước ta hiện nay, vấn đề về nhân thân người phạm tội được nhiều công trình, nhiều nhà nghiên cứu khoa học về tội phạm học, tâm lý học, luật học quan tâm nghiên cứu và đã xây dựng được hệ thống cơ sở lý luận về nhân thân người phạm tội, phục vụ cho công tác phòng ngừa tội phạm.

Trong tội phạm học, nhân thân người phạm tội là *“Tổng hòa các yếu tố, các đặc điểm riêng biệt của người phạm tội ở một địa bàn hành chính - lãnh thổ nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định về các mặt tâm - sinh lý - xã hội, nhân khẩu - nhân chủng học, dân tộc học và pháp lý, những cái có ý nghĩa, có giá trị thiết thực cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để có giải pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp”*. [15, tr.348]

Theo khái niệm này thì việc xác định nhân thân người phạm tội là xác định nguyên nhân và điều kiện của hành vi phạm tội trên cơ sở sự tác động

qua lại giữa những đặc điểm về tâm lý, xã hội tiêu cực của con người và những tình huống tiêu cực tồn tại khách quan bên ngoài con người đã khiến con người thực hiện hành vi phạm tội. Điều này phù hợp với quan điểm của GS.TS. Võ Khánh Vinh “*Nhân thân người phạm tội tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự quy định là tội phạm được hiểu là tổng thể tất cả các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó*”. [78, tr. 119]

Các khái niệm trên cho thấy, nhân thân người phạm tội dưới góc nhìn của các công trình khoa học đều có điểm chung giống nhau, đó là hệ thống các yếu tố, những đặc điểm của người phạm tội được gắn liền với hành vi phạm tội của con người đó, đó là những yếu tố về độ tuổi, nghề nghiệp, giới tính, trình độ học vấn, đời sống kinh tế, hoàn cảnh gia đình,... Tuy nhiên, những yếu tố chung của mỗi người phạm tội cụ thể là không giống nhau bởi phụ thuộc vào tuổi, giới tính, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, lịch sử bản thân của mỗi người phạm tội là khác nhau.

Ngoài ra, nếu ta tìm hiểu nhân thân người phạm tội dưới góc nhìn của khoa học luật hình sự thì lúc đó nhân thân người phạm tội được hiểu là:

- Nhân thân người phạm tội là tổng hợp tất cả những khía cạnh xã hội của người phạm tội tạo thành cá nhân, có ý nghĩa giải quyết đúng đắn về vấn đề trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, nhân thân người phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam được hiểu là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự của họ.

- “*Nhân thân người phạm tội dưới góc độ của khoa học luật hình sự Việt Nam được hiểu là tổng hợp các đặc điểm riêng biệt của người phạm tội (về các mặt tâm sinh lý - xã hội, về nhân chủng học, dân tộc học), những đặc*

*điểm có giá trị nhất định, cần thiết cho việc thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta, đặc biệt cho việc giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội”.* [15, tr. 346]

Qua những khái niệm về nhân thân người phạm tội người viết nhận thấy chính bản chất của con người cộng với sự tác động của xã hội đã hình thành nên con người phạm tội; điều kiện đôi khi chính là một gợi ý làm cho ý đồ thực hiện hành vi phạm tội của tội phạm trở thành hiện thực, điều kiện cũng góp phần đẩy nhanh hành vi phạm tội để tạo ra hậu quả của tội phạm.

### **Kết luận chương 1**

Chương 1 của luận văn người viết dựa trên những lý luận để đưa ra khái niệm và dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên cơ sở quy định tại điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và nhận thấy tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một tội rất nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân, đã xâm hại đến quyền sở hữu của cá nhân hoặc tổ chức đã được pháp luật hình sự bảo vệ.

Trong chương này, người viết đã nghiên cứu tình hình, làm sáng tỏ nhận thức về những vấn đề lý luận cơ bản (mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung) về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp. HCM. Từ đó người viết đã đi vào nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm tội và nạn nhân của tội phạm để tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội của tội phạm; vì hành vi của con người luôn do ý chí và lý trí điều khiển nhưng hành vi của người phạm tội đã đi lệch ra khỏi cái chuẩn mực đạo đức nên lúc này ý chí và lý trí của người phạm tội chỉ để thực hiện một hành vi mang tính tiêu cực trái với đạo đức xã hội và trái với pháp luật hình sự.

Để tìm ra nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ta phải tìm ra được những lỗ hổng trong quản lý nhà nước, phải tìm ra những tác động của môi trường xã hội dẫn đến tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng trong những năm gần đây để hoàn thiện hệ thống pháp luật từ đó mới có giải pháp để kiểm soát tội phạm và đề ra phương thức phòng, chống tội phạm.

Những nội dung được trình bày trong chương 1 là cơ sở để nghiên cứu thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp. HCM người viết sẽ minh chứng bằng những tài liệu cụ thể được trình bày ở chương 2 và chương 3 trong luận văn này.

## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI GIAN QUA**

### **2.1. Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội trái pháp luật hình sự, mang tính giai cấp và thay đổi theo quá trình lịch sử, bao gồm một thể thống nhất của các tội phạm cụ thể đã xảy ra trong một khoảng thời gian và không gian nhất định.

Dưới góc độ tội phạm học, nguyên nhân của tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực bắt nguồn từ đời sống xã hội, từ đó, làm phát sinh tình hình tội phạm tại một địa bàn trong một khoảng thời gian nhất định; điều kiện của tình hình tội phạm là những nhân tố không trực tiếp làm phát sinh tội phạm mà chỉ tạo ra hoàn cảnh thuận lợi cho sự hình thành, tồn tại và phát triển của tình hình tội phạm.

Nhìn chung, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng xảy ra trên thực tế luôn luôn là kết quả của sự tác động qua lại giữa các yếu tố thuộc môi trường xã hội bên ngoài và các yếu tố tâm sinh lý tiêu cực xuất phát từ cá nhân người phạm tội. Vậy, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm chính là tổng hợp những quá trình, hiện tượng xã hội mà qua đó xác định tình hình tội phạm là hậu quả của những nguyên nhân và điều kiện này và đó chính là toàn bộ những hiện tượng và quá trình xã hội có khả năng làm phát sinh và tồn tại tình hình tội phạm.

Đặc điểm của nguyên nhân và điều kiện của tội phạm luôn là những hiện tượng có nguồn gốc từ xã hội, mang bản chất của xã hội đã hình thành ra

nó và luôn thể hiện tính mâu thuẫn, tính xung đột, tính trái pháp luật, tính trái đạo đức và hành vi có lỗi của tội phạm trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Như người viết đã phân tích ở chương 1, Tp.HCM là thành phố lớn của Việt Nam đồng thời cũng là một trong những trung tâm kinh tế và văn hóa, giáo dục quan trọng nhất của Việt Nam. Hiện nay, Tp.HCM là thành phố trực thuộc Trung ương được xếp loại đô thị loại đặc biệt cùng với thủ đô Hà Nội. Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, Tp.HCM ngày nay bao gồm 19 quận và 5 huyện, tổng diện tích 2.095,06 km<sup>2</sup>. Theo thống kê của Tổng cục Thống kê năm nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của thành phố này năm 2017 là khoảng 14 triệu người. Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, Tp.HCM chiếm 21,3% tổng sản phẩm (GDP) và 29,38% tổng thu ngân sách của cả nước.

Chính vì những đặc điểm nổi bật như trên nên Tp.HCM cũng là nơi thu hút phần lớn các tội phạm từ nước ngoài vào Việt Nam cũng như tội phạm trong nước vì Tp.HCM được xem là một mảnh đất màu mỡ cho tội phạm hoạt động. Với một nền kinh tế hầu như đứng đầu cả nước; công nghệ thông tin, công nghiệp nhẹ phát triển; thu hút đầu tư ở các lĩnh vực công nghệ cao; thu hút công nhân viên chức từ các vùng miền khắp nơi trong lãnh thổ Việt Nam đến làm việc; chính sách đầu tư thông thoáng, quản lý Nhà nước cũng không chặt chẽ với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho chính sách thu hút đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam nói chung và Tp.HCM nói riêng vì thế cũng tạo ra khá nhiều điều bất cập trong chính sách quản lý tại Tp.HCM; đó chính là điều kiện thuận lợi cho tội phạm có điều kiện phát triển tại thành phố này nhiều hơn những nơi khác.

## **2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

Căn cứ vào nguồn gốc hình thành nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ta có thể phân thành nguyên nhân và

điều kiện chủ quan và nguyên nhân và điều kiện khách quan nên luận văn này được triển khai theo hướng đó.

Để thực sự hiểu được thực trạng nguyên nhân và điều kiện chủ quan và nguyên nhân và điều kiện khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản không gì hơn là chúng ta phải nghiên cứu vấn đề này thông qua các bản án tại các tòa án trên địa bàn Tp.HCM trong 06 năm gần đây (từ năm 2012 đến năm 2017) vì trong các bản án đều nêu rất rõ các dữ liệu cần thiết, đúng và đủ để phân nào phục vụ cho việc nghiên cứu của chúng ta trong luận văn này (nhân thân người phạm tội: độ tuổi, giới tính, quốc tịch, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tiền án, tiền sự; nhân thân người bị hại: độ tuổi, giới tính; quan hệ giữa người phạm tội và người bị hại; v...v...).

Để phục vụ cho việc nghiên cứu viết luận văn, ta có thể tóm tắt sơ lược một số bản án như sau:

- Lê Thị Mỹ Trúc Giang không nghề nghiệp đã can tội mạo danh chủ đất để bán đất nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm này là do sự thiếu hiểu biết, nghèo, lười lao động của bị cáo và thiếu sự quản lý chặt chẽ của các cấp thẩm quyền [31]. Nguyễn Trọng Đức là thợ hàn đã can tội sử dụng giấy tờ giả để mua thép với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm này là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [32]. Keo So Vann là giám đốc Công ty KSV Development đã dùng chứng từ giả để thu hút tiền đầu tư với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm này là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [33]. Nguyễn Anh Dũng nguyên là giám đốc Công ty Tín Cường đã dùng sổ tín dụng rỗng đem thế chấp với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm này là do lòng tham của bị cáo, thiếu sự quản lý chặt chẽ của các cấp có thẩm quyền và sự mất cảnh giác của người bị hại [34].

Nguyễn Thị Hoàng Hoa buôn bán nhỏ nhưng tạo vỏ bọc giàu có với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm này là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [35]. Dương Ngọc Phượng không nghề nghiệp đã ngụy tạo hồ sơ mua bán nhà để thế chấp ngân hàng với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [36].

- Võ Quang Trực không nghề nghiệp đã lừa bán “thiên thạch” giả với mục đích chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại. Phạm Trọng Duân không nghề nghiệp đã lừa bán “thiên thạch” giả với mục đích chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [37]. Nguyễn Văn Thịnh không nghề nghiệp đã dùng thủ đoạn gian dối để bán đất hương hỏa với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [38]. Nguyễn Quang Thuân nguyên là giám đốc Công ty N&D Việt Nam đã dùng thủ đoạn gian dối trong việc xuất khẩu lao động với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [39]. Rohman nguyên là nhân viên phụ trách văn phòng tuyển dụng xuất khẩu lao động phía Nam - Công ty Phát triển Liên Việt đã dùng thủ đoạn gian dối trong việc xuất khẩu lao động với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [39]. Trần Nguyễn Minh không nghề nghiệp đã làm giả giấy tờ để thuê xe ô tô tự lái rồi đem bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [40]. Nguyễn Anh

Tuấn không nghề nghiệp đã làm giả giấy tờ để thuê xe ô tô tự lái rồi đem bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [40].

- Trần Huỳnh Nghĩa nguyên là giám đốc Công ty Cát Phương Nam đã lập tài liệu, chứng từ giả để vay vốn ngân hàng với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của ngân hàng [41]. Trần Thị Lệ Thu là thợ uốn tóc đã lập tài liệu, chứng từ giả để vay vốn ngân hàng với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của ngân hàng [41]. Huỳnh Công phúc không nghề nghiệp đã lập tài liệu, chứng từ giả để vay vốn ngân hàng với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của ngân hàng [41]. Phạm Duy Soạn nguyên là giám đốc Công ty TNHH Trường Phát Đạt đã lập tài liệu, chứng từ giả để vay vốn ngân hàng với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, của bị cáo và sự mất cảnh giác của ngân hàng [41]. Nguyễn Kim Dzoanh nguyên là giám đốc Công ty TNHH Trường Phát Đạt đã lập tài liệu, chứng từ giả để vay vốn ngân hàng với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, của bị cáo và sự mất cảnh giác của ngân hàng [41]. Trần Huỳnh Trâm không nghề nghiệp đã lập tài liệu, chứng từ giả để vay vốn ngân hàng với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của ngân hàng [41].

- Võ Thị Nhen là người bán vé số dạo đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mạo danh chủ đất để bán đất với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động

của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [42]. Mai Hữu Thành là doanh nhân đã làm giả giấy tờ nhà đem thế chấp với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [42]. Hứa Mỹ Duyên đi làm thuê đã làm giả giấy tờ nhà đem thế chấp với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [43]. Nguyễn Cao Minh Ngọc không nghề nghiệp đã làm giả giấy tờ nhà đem thế chấp với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [44]. Mai Văn Thành là doanh nhân đã thuê xe ô tô tự lái, làm giả giấy tờ xe để đem cầm xe với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [45].

- Vương Hoa Quốc không việc làm đã mượn xe gắn máy của người quen rồi đem bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [46]. Thạch Phận là tái xế đã thuê xe ô tô tự lái rồi làm giả giấy tờ để đem cầm xe với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [47]. Trương Thị Cẩm Nhung là giáo viên đã thuê xe ô tô tự lái rồi làm giả giấy tờ để đem cầm xe với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [47]. Nguyễn Thị Minh Tâm là giáo viên đã thuê xe ô tô tự lái rồi làm giả giấy tờ để đem cầm xe với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [47].

- Nguyễn Ra Băng đi làm thuê đã cạo sửa vé số để nhận tiền trúng thưởng với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội

phạm là do lòng tham, lừa lao động của bị cáo [48]. Nguyễn Thị Ngọc Anh là phụ hồ đã làm giấy tờ giả mua xe gắn máy trả góp để bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lừa lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [49]. Phạm Văn Khánh là tài xế đã thuê xe ô tô tự lái rồi làm giả giấy tờ xe để đem cầm xe với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [50]. Diệp Thái Trường nguyên là nhân viên trung tâm Metro Bình Phú đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công ty để trả nợ; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do thiếu nợ và sự mất cảnh giác của công ty [51]. Nguyễn Văn Trường nguyên là nhân viên giao dịch tín dụng ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã lợi dụng nghiệp vụ để chiếm đoạt tài sản của ngân hàng; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của ngân hàng [52]. Trần Quốc Dũng là doanh nhân đã dùng giấy ủy quyền giả để thế chấp nhà với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [53]. Nguyễn Thị Bình là người buôn bán nhỏ đã dùng giấy tờ nhà đất giả để thế chấp vay tiền với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [54]. Nguyễn Quang Thuận là giám đốc công ty TNHH N&D Việt Nam đã lừa đảo trong việc xuất khẩu lao động với mục đích chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [55].

- Lê Thành Thắng nguyên là nhân viên bảo hiểm xã hội quận Thủ Đức đã lập hồ sơ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động không có thật với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lừa lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của

BHXH Tp.HCM [56]. Phạm Thị Ngọc Hằng không nghề nghiệp đã tiếp tay cho việc lập hồ sơ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động không có thật với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của BHXH Tp.HCM [56]. Lê Thị Anh Thư nguyên là nhân viên tiếp nhận và giao trả hồ sơ - UBND xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang đã tiếp tay cho việc lập hồ sơ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động không có thật với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của BHXH Tp.HCM [56]. Trần Thị Quỳnh Hoa là người buôn bán nhỏ bằng thủ đoạn tạo ra việc có mối quan hệ mua được xe gắn máy có giá rẻ hơn thị trường qua đó chiếm đoạt tài sản của người khác; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [57].

- Nguyễn Lê Xuân Đào là người buôn bán nhỏ đã mua CMND của người khác rồi sử dụng CMND này ký hợp đồng mua điện thoại di động trả góp với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [58]. Nguyễn Thị Tốt không nghề nghiệp đã cùng một số người có quốc tịch Nigeria kết hợp với người Việt Nam sống trong và ngoài nước lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách kết bạn qua mạng xã hội facebook; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [59]. Phạm Thị Kim Phượng không nghề nghiệp đã cùng một số người có quốc tịch Nigeria kết hợp với người Việt Nam sống trong và ngoài nước lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách kết bạn qua mạng xã hội facebook; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [59]. Nguyễn Thị Thùy Trang không nghề

ngiệp đã cùng một số người có quốc tịch Nigeria kết hợp với người Việt Nam sống trong và ngoài nước lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách kết bạn qua mạng xã hội facebook; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lừa đảo của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [59]. Nguyễn Văn Bé Ba là giáo viên đã hứa hẹn xin việc làm và đưa đi xuất khẩu lao động với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [60].

- Phan Thế Tài không nghề nghiệp đã mượn xe gắn máy của người quen rồi đem bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lừa đảo của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [61]. Nguyễn Trần Minh Toàn không nghề nghiệp đã mượn xe gắn máy của người quen rồi đem bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lừa đảo của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [62]. Phạm Khắc Thắng không nghề nghiệp đã cạo sửa vé số để nhận tiền trúng thưởng với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lừa đảo của bị cáo [63]. Phạm Văn Mạnh không nghề nghiệp đã mượn xe gắn máy rồi đem bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lừa đảo của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [64]. Liêu Nguyễn An Khương không nghề nghiệp đã dùng quan hệ đồng tính để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lừa đảo của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [65]. Ôn Thị Kim Ngọc không nghề nghiệp đã giả làm nhân viên giữ xe để lừa lấy xe với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lừa đảo của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [66].

- Đỗ Vy Cư là thợ cắt tóc đã mượn xe gắn máy của người quen rồi đem bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [67]. Nguyễn

Hoàng Duy không nghề nghiệp đã mượn xe gắn máy của người quen rồi đem bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [68]. Đào Thị Mộng Dung là người buôn bán nhỏ đã làm giấy tờ giả mua xe gắn máy trả góp để bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham của bị cáo và sự mất cảnh giác của người mua xe và công ty bán xe trả góp [69]. Lê Văn Vĩnh không nghề nghiệp đã mượn xe gắn máy của người quen rồi đem bán với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [70]. Phan Hữu Tài không nghề nghiệp đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người quen là một máy điện thoại di động; nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [71]. Trần Quốc Trung không nghề nghiệp đã giả danh là công an hứa hẹn có thể lo xin việc được vào ngành công an với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nguyên nhân cấu thành tội phạm là do lòng tham, lười lao động của bị cáo và sự mất cảnh giác của người bị hại [72].

Qua nghiên cứu 42 bản án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các tòa án trên địa bàn Tp.HCM, ta nhận thấy tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được thực hiện dưới nhiều hình thức và mọi thủ đoạn; mọi tầng lớp trong xã hội đều có thể thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên để phòng, chống tội này không phải là điều đơn giản. Để có thể tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện chủ quan một cách tương đối chính xác từ phía người phạm tội từ năm 2012 đến năm 2017 của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản người viết tạm đưa ra bảng thống kê như sau:

**Bảng 2.1: Thống kê theo giới tính của người phạm tội**

Tổng số lượng bị cáo	Nam		Nữ		Tỷ lệ
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
<b>58</b>	38	65%	20	35%	<b>100%</b>

(Nguồn: Từ các bản án của Tòa án tại Tp.HCM)

Theo bảng thống kê trên ta thấy tỷ lệ nam giới phạm tội nhiều hơn nữ giới ( 65% nam; 35% nữ) vì theo thực tế nhu cầu phục vụ cho bản thân của nam giới cao hơn nữ giới rất nhiều. Ta có thể thấy nam giới có những nhu cầu sau: Cá độ đá banh, ăn nhậu với bạn bè, cờ bạc, thích phô trương, chu cấp cho bạn gái, quan hệ tình cảm ngoài luồng,... chính những nhu cầu đó cộng với sự sai lệch về đạo đức, về lối sống và để thỏa mãn những nhu cầu của bản thân đã khiến cho nam giới có tỷ lệ phạm tội cao hơn nữ giới. Cũng có những nữ giới có nhu cầu phục vụ cho bản thân tương tự như nam giới nhưng số đó không nhiều nên tỷ lệ phạm tội của nữ giới thấp hơn nam giới.

**Bảng 2.2: Thống kê theo tuổi của người phạm tội**

<b>Tổng số lượng bị cáo</b>	<b>Nam</b>		<b>Nữ</b>	
	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Nhỏ nhất	Lớn nhất
<b>58</b>	22 tuổi	77 tuổi	24 tuổi	54 tuổi

*(Nguồn: Từ các bản án của Tòa án tại Tp.HCM)*

Biên độ tuổi phạm tội của nam giới rộng hơn nữ giới ( nam giới từ 22 tuổi đến 77 tuổi trong khi nữ giới chỉ từ 24 đến 54 tuổi). Như phần nào chúng ta đã phân tích ở bảng 2.1; nam giới luôn có nhu cầu cao hơn và thường sớm hơn nữ giới; bước qua tuổi 18 - 20 tuổi thì tâm sinh lý của nam giới đã phát triển hoàn chỉnh và nhu cầu phục vụ cho bản thân rất cao công với sự lơ là giáo dục trong gia đình, trình độ học vấn thấp, sự xem thường pháp luật cộng với lối sống lệch lạc đã khiến cho nam giới dễ dàng phạm tội ở độ tuổi rất trẻ (có những bé trai phạm tội chỉ ở độ tuổi 14 - 15 tuổi). Trong khi nữ giới ở độ tuổi 18 - 20 tuổi thì sự phát triển về sinh lý có thể hoàn thiện nhưng về tâm lý thì không phát triển được như nam giới thêm vào đó là nữ giới luôn có tâm lý rụt rè, e ngại và nhu cầu của nữ giới thấp hơn nam giới nên nữ giới phạm pháp để thỏa mãn nhu cầu bản thân không cao.

**Bảng 2.3: Thống kê theo trình độ học vấn của người phạm tội**

Giới tính	Hệ 12/12												Tổng cộng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Nam				1		2	2		3	1	1	28	<b>38 người</b>
Nữ		2	1		2	1	1		3	3		7	<b>20 người</b>

(Nguồn: Từ các bản án của Tòa án tại Tp.HCM)

Về trình độ học vấn của nữ giới phạm tội thấp hơn nam giới (nam giới học thấp nhất là lớp 4/12 trong khi nữ giới chỉ là lớp 2/12). Dựa vào con số thống kê ta có thể nhận thấy rằng tỷ lệ nữ giới có trình độ học vấn 12/12 chỉ có 7 người (tỷ lệ là 35%) trong khi nam giới có trình độ học vấn 12/12 là 28 người (tỷ lệ là 74%). Nam giới có trình độ cao khi có những nhu cầu không chính đáng họ sẵn sàng dùng sự hiểu biết của mình để thực hiện hành vi phạm tội còn nữ giới khi đã có một trình độ học vấn khá họ sẽ suy nghĩ rất kỹ trước khi làm một điều gì không đúng vì ngoài vấn đề kinh tế nữ giới còn cả gánh nặng về gia đình, chồng, con phải chăm lo nên nữ giới sẽ không có sự liều lĩnh như nam giới, nữ giới chỉ liều lĩnh khi đi vào bước đường cùng.

**Bảng 2.4: Thống kê theo nghề nghiệp của người phạm tội**

Nghề nghiệp	Giới tính nam	Giới tính nữ
Không việc làm	17 người	08 người
Lao động phổ thông	04 người	03 người
Kinh doanh, buôn bán nhỏ	03 người	06 người
Nhân viên	07 người	01 người
Giám đốc công ty	06 người	
Giáo viên	01 người	02 người
<b>Tổng cộng</b>	<b>38 người</b>	<b>20 người</b>

(Nguồn: Từ các bản án của Tòa án tại Tp.HCM)

Về nghề nghiệp thì có 06 nam giới giữ chức giám đốc trong khi nữ giới thì không có ai giữ chức giám đốc cả. Thực trạng này cho thấy không phải người có địa vị trong xã hội không trở thành tội phạm. Sự hiểu biết về luật pháp, kinh nghiệm sống, kinh nghiệm kinh doanh, v...v... nhưng tại sao họ vẫn phạm pháp? Chỉ vì lối sống không lành mạnh, không đạo đức, sự buông lỏng quản lý của các cơ quan quản lý, sự xử lý pháp luật không nghiêm minh nên khi có nhu cầu phục vụ cho một mục đích nào đó họ sẵn sàng dùng những thủ đoạn qua mặt các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; những người này thường thì họ lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị rất cao.

**Bảng 2.5: Thống kê theo tiền án, tiền sự của người phạm tội**

Tiền án		Tiền sự	
Giới tính nam	Giới tính nữ	Giới tính nam	Giới tính nữ
03 người	02 người	Không	Không

*(Nguồn: Từ các bản án của Tòa án tại Tp.HCM)*

Theo bảng thống kê ta thấy rằng có những người đã từng phạm tội trong quá khứ, đã từng bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tù nhưng khi ra khỏi tù họ vẫn tiếp tục có những hành vi vi phạm pháp luật mà đôi khi lần vi phạm sau lại nguy hiểm hơn lần vi phạm trước. Nếu vậy, hình thức xử phạt lần trước có đủ răn đe người vi phạm pháp luật hay không? Trong khi chấp hành hình phạt nhà nước đã thật sự giáo dục và cải tạo được họ hay chưa? Sau khi chấp hành xong hình phạt, người chấp hành xong hình phạt tù về với cộng đồng chương trình tái hòa nhập cộng đồng của nhà nước có được triển khai tốt chưa? Đây chính là những bức xúc mà chính người viết cũng đã trải qua rất nhiều.

Nhà nước với tư cách là chủ thể quản lý xã hội, với những định hướng cho xã hội mà nhà nước đã ban hành những chuẩn mực pháp lý chung để điều

chính cho toàn xã hội; trong đó các chuẩn mực pháp lý mang tính chất hình sự. Để đấu tranh với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhà nước ta cũng kiên quyết thực hiện những biện pháp mạnh nhằm ngăn chặn và xử lý những loại tội xâm phạm sở hữu trong đó có tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trên địa bàn Tp.HCM còn tồn tại nhiều yếu tố khách quan tác động đến nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

- *Tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập thế giới*: Tác động này đã nảy sinh ra những sai lệch nhất định trong nhận thức và hành động của một bộ phận không nhỏ trong tầng lớp nhân dân. Những nhận thức và hành động này đi ngược lại những chuẩn mực chung của xã hội đã tạo nên những hành vi vi phạm pháp luật mà trong đó có hành vi của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- *Sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội*: Chính là một hiện tượng xã hội đã phản ánh quá trình phân chia xã hội thành nhiều nhóm người có điều kiện kinh tế khác nhau và chất lượng sống khác nhau. Sự phát triển kinh tế theo nền kinh tế thị trường tại Tp.HCM đã làm cho đời sống của cư dân được cải thiện rất nhiều nhưng sự phân hóa giữa giàu và nghèo không vì thế mà mất đi hoặc làm xích gần lại khoảng cách; trái lại, người giàu lại càng giàu thêm trong khi người nghèo vẫn phải đối mặt với sự thiếu thốn và thất nghiệp.

- *Làn sóng di dân từ nông thôn vào thành thị*: Đây chính là một bài toán khó cho chính quyền Tp.HCM; không ai có thể phủ nhận dân nhập cư là một lực lượng lao động hùng hậu cũng là yếu tố thúc đẩy sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế tại TP.HCM đã đưa Tp.HCM lên một tầm cao mới; nhưng cũng không ai có thể phủ nhận nó chính là những cái ung nhọt về tệ nạn xã hội tại thành phố này; những thành phần bất hảo từ các địa phương khác chọn Tp.HCM như là một mảnh đất màu mỡ để gieo hạt nhân của các loại tội phạm trong đó có cả tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì người Sài Gòn vẫn mang cái

tính cách “anh Hai”, “anh Ba” của người dân Nam bộ: dễ dãi, hòa đồng, xuề xòa, dễ kết bạn, dễ làm thân,... cái tính khí của người dân miền sông nước được hình thành từ bao đời nên nếu gặp kẻ lưu manh, lừa đảo thì khó có thể tránh được.

- *Hệ thống pháp luật*: Nói chung còn lỏng lẻo chưa chặt chẽ dễ dẫn đến sự xem thường pháp luật của một số người mang sẵn trong tâm thức sẵn sàng vi phạm pháp luật vì họ nghĩ vẫn còn có chỗ để lách luật; việc xử lý các vi phạm pháp luật chưa thật sự công bằng và nghiêm minh dẫn đến một bộ phận không nhỏ người dân xem thường pháp luật.

Qua phân tích và nghiên cứu các bản án nêu trên người viết nhận thấy rằng tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thường được hình thành trong một thời gian dài, có dự mưu, có tổ chức và luôn dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Tội phạm lừa đảo có thể là một người nhưng cũng có thể là cả một băng nhóm làm việc rất bài bản có người chủ mưu, người giúp sức, người phân công, người thực hiện và chúng thực hiện hành vi lừa đảo một cách tinh vi khó phát hiện; bằng những thủ thuật trên máy vi tính chúng làm giả hàng loạt hồ sơ nhà đất, giấy đăng ký xe ô tô để thế chấp ngân hàng, chào cho vay dài hạn với lãi suất thấp, mở sổ tiết kiệm tiền gửi rỗng (không có giá trị thực trên sổ) tại ngân hàng dưới sự tiếp tay của các nhân viên tín dụng trong ngân hàng để đem thế chấp cho nhiều người hay nhiều ngân hàng khác, lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng xã hội, lừa đảo chiếm đoạt tài sản có yếu tố nước ngoài, v...v... Nói chung, sau khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản người viết thấy nó biến hóa khôn lường qua từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế thị trường, được thực hiện dưới nhiều hình thức chỉ qua khảo sát thực tế bằng những bản án tại tòa ta mới nhận được rõ phần nào nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng đây chỉ mới nói lên được phần “nổi” của tội

phạm mà thôi còn phần “ẩn” của loại tội này thì có lẽ rất khó để nhận diện ra hết được; phần ẩn của tội phạm không những ẩn về số liệu mà còn ẩn cả phương thức phạm tội.

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản không đơn giản như tội cướp giật tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; cũng không như tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là người chiếm đoạt tài sản không có dự mưu và một số tội khác trong nhóm tội xâm phạm sở hữu. Chủ thể của loại tội này rất thông minh, xảo quyệt đặc biệt là cách dùng thủ đoạn và biết chọn điểm yếu của nạn nhân để thực hiện hành vi phạm tội cộng với sự lơ là trong chính sách quản lý của các cơ quan nhà nước, các chủ thể quản lý tài sản như các ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân khác.

Chúng ta có thể thấy rằng tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một tội được hình thành từ rất nhiều tầng lớp trong xã hội, từ người nghèo nhất đi bán vé số đến người giàu và có địa vị trong xã hội; từ người thất học cho đến kẻ có học; kẻ càng có học thì mưu mô và số lượng tài sản chiếm đoạt càng cao nhưng vẫn có những trường hợp người phạm tội học vấn không cao nhưng mưu mô xảo quyệt thì khôn lường và số tài sản chiếm đoạt của người khác lên đến vài chục tỷ hoặc chẳng phải lừa một người mà có khi lại lừa vài chục người trong một lúc; như qua nghiên cứu bản án của bị cáo Trần Thị Quỳnh Hoa trình độ học vấn 12/12 chỉ là người buôn bán nhỏ nhưng đã lừa được tổng cộng là 37 người với tổng số tiền chiếm đoạt lên đến 31.921.500.000đ đây thực sự là một số tiền không nhỏ.

Vậy, nguyên nhân của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chính là phẩm chất đạo đức mà đây là một trong những yếu tố cấu thành phẩm chất của một con người. Nó không phải là thứ có sẵn trong mỗi con người mà nó được hình thành trong quá trình sống, lao động và học tập. Phẩm chất đạo đức thể hiện những quan điểm, thái độ, nhận thức của người đó đối với các giá trị đạo đức

xã hội và được bộc lộ ra bên ngoài qua các hành vi của chính con người đó và cách ứng xử của họ trong những hoàn cảnh cụ thể.

Các biện pháp chế tài hay biện pháp xử lý hình sự như hình phạt tù đối với một số người hầu như không hiệu quả vì sau khi thi hành án phạt tù họ lại tiếp tục phạm tội có khi tội sau lại nguy hiểm và tinh vi hơn tội trước. Ta thấy rằng các bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM phần lớn đều có nhận thức không đúng và không đầy đủ về các giá trị đạo đức xã hội vì vậy người phạm tội thường có thái độ tiêu cực; đối với họ nhu cầu và lợi ích cá nhân là trên hết. Từ đó, khi người phạm tội cảm thấy khi có nhu cầu hoặc khi có sự tác động của yếu tố tiêu cực nào đó thì họ nhanh chóng thực hiện hành vi phạm tội nhằm thỏa mãn bản thân.

Là con người bình thường ai cũng có nhu cầu, nhu cầu là cái được tồn tại một cách mặc nhiên trong mỗi cá nhân; mỗi người có thể có những nhu cầu khác nhau nhưng trong một xã hội hoàn thiện nhu cầu của từng con người phải phù hợp với đạo đức xã hội, phải phù hợp với hoàn cảnh và môi trường mà con người đó đang sinh sống; trái lại, nhu cầu của người phạm tội thường bị biến dạng, đạo đức của người phạm tội thường bị suy đồi, họ luôn tìm mọi cách để thỏa mãn nhu cầu của cá nhân mà không cần để ý đến các nguyên tắc đạo đức cho phép, các biện pháp của pháp luật nhằm hạn chế các sự vi phạm pháp luật, các biện pháp chế tài hoặc tước đi quyền tự do của con người khi vi phạm luật pháp.

Người phạm tội luôn biết mình sẽ bị xử lý theo pháp luật khi thực hiện những hành vi được xem là trái pháp luật, người phạm tội biết rất rõ những gì sẽ xảy ra với họ khi bị phát giác nhưng hầu như họ không sợ, họ làm mọi cách để thỏa mãn nhu cầu ngay trước mắt. Trong quan hệ xã hội càng thân càng dễ bị lừa vì người bị hại thì dựa vào niềm tin với người chuẩn bị phạm tội còn tội phạm thì dựa vào lòng tham và sự mất cảnh giác của chính con

người mà người phạm tội muốn thực hiện hành vi lừa đảo. Vì thế, ta có thể thấy rõ nguyên nhân và điều kiện chủ quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chính là lòng tham; còn điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chính là niềm tin và sự sơ hở của chính nạn nhân và sự sơ hở, lỏng lẻo trong quản lý của các ngành các cấp chính quyền.

Do bản thân người phạm tội luôn phải tham gia vào các mối quan hệ xã hội khác nhau nên đặc điểm tâm lý xã hội của họ được thể hiện dưới các hình thức: quan hệ cộng đồng, phong tục tập quán, lễ nghi tôn giáo, v...v... nhưng tâm lý pháp luật là một vấn đề tối quan trọng cần được nghiêm túc xem xét, nghiên cứu đối với người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đặc điểm tâm lý pháp luật của họ được thể hiện ở: nhận thức pháp luật, thái độ và sự tuân thủ pháp luật trong đời sống. Những sai lệch trong tâm lý pháp luật bao gồm:

- *Sự thiếu hiểu biết về pháp luật hoặc xem thường pháp luật*: là sự nhận thức về pháp luật chưa đúng, chưa đầy đủ hoặc xem thường các quy định pháp luật do nhiều nguyên nhân khác nhau; chính những vấn đề này đã hình thành nên thái độ tiêu cực của người phạm tội đối với pháp luật; từ đó đã hình thành nên ý thức pháp luật lệch chuẩn và cụ thể hóa bằng hành vi trái pháp luật; một phần do việc nhận thức không đúng, không đầy đủ các quy định của pháp luật, bên cạnh đó còn có nhiều người xem thường pháp luật.

- *Thiếu ý thức chấp hành pháp luật*: Vì có một số người xem thường pháp luật dẫn đến việc không chấp hành pháp luật nên đã không tuân thủ theo những quy định mà pháp luật đã đặt ra. Người phạm tội thường có khuynh hướng chống đối xã hội được biểu hiện dưới dạng chống đối quyết liệt khi bị phát giác hoặc tỏ thái độ bất hợp tác với cơ quan điều tra.

- *Coi thường các nghĩa vụ*: Do nhận thức về hậu quả của hành vi chiếm đoạt tài sản với bản thân, gia đình và xã hội còn nhiều hạn chế cộng với ý thức cộng đồng không được đề cao nên dễ bị các đối tượng phạm tội xem

thường. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản về bản chất là dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản một cách bất hợp pháp của người khác không kể là người thân trong gia đình, quen biết ngoài xã hội, bạn bè đồng nghiệp hay đối tác làm ăn; người phạm tội sẵn sàng dùng bất kỳ thủ đoạn nào để chiếm đoạt bằng được tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu của chính bản thân mình. Đồng thời ý thức của người dân trong xã hội về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng chưa cao vì họ cho rằng việc đó không phải là trách nhiệm của mình mà thuộc về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

Xét về nguyên nhân và điều kiện chủ quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ta không thể bỏ qua yếu tố người bị hại. Người bị hại cũng là một yếu tố góp phần quan trọng trong việc hình thành cơ cấu hành vi phạm tội, nếu thiếu chủ thể này thì hành vi phạm tội không bao giờ hình thành được. Tuy nhiên nếu xét về góc độ pháp lý thì người bị hại không có lỗi trong việc gây ra hành vi phạm tội nhưng xét dưới góc độ nghiên cứu tội phạm học thì các yếu tố đến từ người bị hại cũng là một trong những điều kiện để thúc đẩy và nảy sinh tội phạm.

Sự lơ là trong quản lý tài sản, sự thiếu hiểu biết pháp luật, sự quá tin người của người bị hại là những yếu tố hình thành tội phạm có khi lại chính là động cơ thúc đẩy người phạm tội có ý đồ phạm tội và đôi khi chính người bị hại lại tạo điều kiện dễ dàng cho tội phạm thực hiện hành vi phạm tội của mình một cách trót lọt; có trường hợp người bị hại không biết là mình bị lừa đảo lại tiếp tục giới thiệu kẻ lừa đảo cho những người thân quen của mình để người phạm tội có cơ hội thực hiện hành vi phạm tội của mình đối với nhiều người hơn nữa.

### **2.3. Thực trạng làm sáng tỏ các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

Tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đang là một thách thức đối với nhà nước ta vì tình hình tội phạm đang có diễn biến hết sức phức tạp. Người

phạm tội bây giờ không những là người trong nước mà những tội phạm nước ngoài cũng đang len lỏi vào nước ta để tìm cách lừa đảo cũng như phá hoại nền kinh tế của nước ta; vì nước ta mới bước vào quá trình hội nhập quốc tế tất cả đều là sự bắt đầu nên không tránh khỏi có nhiều thiếu sót trong sự quản lý an ninh, trật tự và an toàn xã hội nên những băng nhóm tội phạm nước ngoài đã xem Việt Nam là một mảnh đất tốt để phát triển. Tội phạm dùng rất nhiều thủ đoạn tinh vi để thực hiện hành vi phạm tội; để tìm hiểu thực trạng của nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM không gì hơn là chúng ta phải tìm hiểu bằng cách nào? Bằng phương pháp gì? Những ai có thể trở thành tội phạm? Những ai đã và sẽ trở thành nạn nhân của những kẻ phạm tội?

Như đã nói ở trên, người phạm tội luôn đánh vào “lòng tham” và “niềm tin” của người bị hại. Như đã nghiên cứu các bản án ở trên chúng ta nhận thấy rằng những thủ đoạn mà người phạm tội sử dụng để lừa đảo có thể thấy như sau:

**Bảng 2.6: Thống kê theo nội dung vụ án**

<b>Nội dung vụ án</b>	<b>Số vụ</b>
Dùng giấy tờ giả để bán đất	3
Sử dụng giấy tờ giả để mua thép	1
Sử dụng chứng từ giả để thu hút tiền đầu tư	1
Dùng sổ tín dụng rỗng đem thế chấp	1
Tạo vỏ bọc giàu có để lừa đảo	1
Làm hồ sơ mua bán nhà giả để thế chấp ngân hàng	1
Bán “thiên thạch” giả	1
Làm giả giấy tờ để bán đất hương hỏa	1
Lừa đảo trong việc xuất khẩu lao động	3

Làm giấy tờ giả thuê xe ô tô rồi đem bán	4
Lập tài liệu, chứng từ giả để vay vốn ngân hàng	1
Làm giả giấy tờ nhà đem thế chấp	3
Mượn xe gắn máy rồi đem bán	4
Cạo sửa vé số để nhận tiền trúng thưởng	1
Làm giấy tờ giả mua xe gắn máy trả góp rồi đem bán	3
Chiếm đoạt tài sản của công ty để trả nợ	1
Lợi dụng nghiệp vụ để chiếm đoạt tài sản của ngân hàng	1
Dùng giấy ủy quyền giả để thế chấp nhà	1
Dùng quan hệ đồng tính để lừa đảo	1
Giả làm nhân viên giữ xe để lừa lấy xe	1
Lập hồ sơ giả để chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội	1
Lừa đảo trong việc mua bán xe	2
Sử dụng CMND giả để mua điện thoại di động trả góp	1
Lừa tiền có yếu tố người nước ngoài	1
Lừa lấy điện thoại di động	2
<b>Nội dung vụ án</b>	<b>Số vụ</b>
Giả danh công an để lừa đảo	1
<b>Tổng cộng</b>	<b>42</b>

(Nguồn: Từ các bản án của Tòa án tại Tp.HCM)

Qua bảng thống kê trên ta có thể thấy rằng thực trạng của nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM chính là sự quản lý lỏng lẻo của nhà nước cộng với sự tha hóa của một số cán bộ có chức có quyền; hàng loạt hồ sơ giả, giấy tờ giả đã được công chứng để đem đi thế chấp hoặc bán tài sản mà không phải là của mình; nhân viên nhà nước cũng lợi dụng chức vụ móc nối với người bên ngoài để chiếm đoạt tài sản của

nhà nước; các băng đảng lừa đảo quốc tế mở tài khoản tại các ngân hàng lớn của Việt Nam để lừa đảo chính người Việt Nam; người có địa vị xã hội thì lợi dụng kẽ hở của pháp luật để thực hiện hành vi lừa đảo; kẻ vô học thì bị người khác lợi dụng đẩy vào con đường phạm tội; người lười lao động chỉ nghĩ đến việc làm thế nào để có tiền phục vụ cho bản thân mà không phải lao động cực nhọc; kẻ bần cùng thì nghĩ bằng bất cứ giá nào mình phải thoát nghèo; cứ như thế mà những họ nhắm mắt lao vào con đường lừa đảo vì họ nghĩ rằng chỉ có con đường lừa đảo mới giúp họ có thể làm giàu một cách nhanh chóng mà không thông qua lao động.

**Bảng 2.7: Thống kê theo quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân**

<b>Quan hệ</b>	<b>Số vụ</b>
Không quan hệ	4
Quan hệ xã hội	29
Quan hệ bạn bè	5
Quan hệ đồng nghiệp	4
<b>Tổng cộng</b>	<b>42</b>

*(Nguồn: Từ các bản án của Tòa án tại Tp.HCM)*

Qua bảng thống kê trên ta nhận thấy quan hệ xã hội là một quan hệ có nguy cơ bị lừa đảo lớn nhất, chỉ là sự quen biết ngoài xã hội do vô tình, do người quen giới thiệu, v...v... người bị hại không tìm hiểu kỹ nhân thân của đối tác, thiếu sự hiểu biết về pháp luật, thiếu thông tin về các loại tội phạm đang diễn ra trong hiện tại, mà chỉ với niềm tin nội tâm và sự háms lợi đã để cho người phạm tội có điều kiện để thực hiện hành vi phạm tội đối với mình.

Bên cạnh đó các nội dung và hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Tp.HCM còn mang tính hình thức; chưa huy động được vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội tham gia; định hướng tuyên truyền chưa đến được các đối tượng cần phải đến;

chưa làm chuyển hóa rõ nét nhận thức và hành vi của một bộ phận nhân dân có nguy cơ cao về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở Tp.HCM cũng như trong cả nước.

Quy định của pháp luật về công tác đảm bảo tái hòa nhập cộng đồng ở Tp.HCM cho người sau khi chấp hành án phạt tù chưa được triển khai một cách đồng bộ dẫn đến người sau khi thụ án vẫn bị cộng đồng kỳ thị, khó xin việc làm. Đây là yếu tố tiêu cực đẩy những người đã từng mắc phải sai lầm trong cuộc sống vào trạng thái bi quan, dễ bị lôi kéo, đưa đẩy vào con đường tái phạm.

Ngoài ra, những hạn chế về quản lý, điều hành phối hợp của các cấp, các ngành còn thiếu linh hoạt, không năng động, có lúc còn thiếu tập trung, chưa đạt hiệu quả cao, v...v... đó là do sự quản lý không xuyên suốt, chủ quan trong công tác lãnh đạo, vẫn còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, việc xử lý vi phạm thiếu cương quyết.

Chính những nguyên nhân trên đã góp phần vào diễn biến của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM cũng như không thể không nhận thấy rằng chính bản thân nhà nước cũng đã gián tiếp góp phần trong việc gia tăng loại tội phạm này trên địa bàn Tp.HCM vì sự quản lý yếu kém của mình.

Ngoài những phương thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản cơ bản như trên, hiện nay trên địa bàn Tp.HCM còn xuất hiện một số phương thức lừa đảo mới như:

- Các đối tượng tội phạm dùng công nghệ cao tìm cách xâm nhập vào hệ thống email của doanh nghiệp để nắm bắt các thông tin về hợp đồng, tài khoản chuyên tiền... Sau đó, đối tượng tội phạm tạo các email rất giống với email của đối tác để gửi đến doanh nghiệp và yêu cầu chuyển tiền sang tài khoản khác.

- Đối tượng tội phạm giả mạo là người nước ngoài, làm kỹ sư, quân đội hay bác sĩ, v...v... làm quen, yêu hoặc hứa hẹn kết hôn với người trong nước, sau đó chuyển quà tặng có giá trị cho nạn nhân rồi chúng cho người giả làm nhân viên giao nhận hoặc nhân viên hải quan yêu cầu người nhận phải đóng tiền thuế bằng cách gửi tiền qua tài khoản ngân hàng.

- Thông qua trang web của các người đồng tính kết bạn rồi tìm cách lừa đảo người bạn tình của mình.....

Cùng với sự phát triển của kinh tế đồng thời cũng là sự phát triển của các loại tội phạm; cái gì cũng có cái, hay cái dở của nó quan trọng là chúng ta học được những gì ở cái hay của nó và rút ra được những kinh nghiệm gì ở cái dở của nó mà thôi.

## **Kết luận chương 2**

Qua chương 2, người viết tập trung phân tích thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua các bản án của các Tòa án tại Tp.HCM; một thực trạng mà người viết nhận thấy là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản được thực hiện một cách quá dễ dàng là do sự xem thường pháp luật của các đối tượng tội phạm; sự tha hóa một số viên chức nhà nước; lối sống mất đạo đức của một số người có địa vị trong xã hội; sự ngu dốt cộng với lòng tham của một số người ít học; lòng tham của người bị hại; sự quản lý lỏng lẻo của nhà nước; sự tuyên truyền và phổ biến pháp luật của nhà nước còn mang tính hình thức; v...v... chính những yếu tố đó đã cho chúng ta một nhận thức đúng đắn về thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đang diễn ra tại Tp.HCM.

Ngoài ra qua nghiên cứu các bản án, qua phương tiện thông tin đại chúng như: báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, các trang mạng xã hội người viết nhận ra nguyên nhân chính yếu để các loại tội phạm phát sinh trong những lúc gần đây không riêng gì tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là do sự

xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức của một số không nhỏ bộ phận người dân trong xã hội. Số không nhỏ người dân này đã xem thường các quy tắc đạo đức trong cuộc sống mà từ ngàn năm nay người dân Việt đã xem trọng đó là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; ngày nay có một số không ít người hầu như sống theo bản năng sinh tồn của một loài động vật không cần biết đến nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là gì; nếu họ cảm thấy có nhu cầu thì tìm đủ mọi cách để thỏa mãn nhu cầu của mình mà họ không cần biết khi thỏa mãn nhu cầu của mình có ảnh hưởng đến nhu cầu của người khác hay không? Chữ nhân, chữ nghĩa hầu như không còn hiện diện trong tâm của những đối tượng phạm tội. Chính vì sự xuống cấp của những nền tảng đạo đức căn bản như thế nó đã hình thành nên những con người sẵn sàng lừa đảo nhau để thỏa mãn cái mà họ muốn có như tiền bạc nhưng họ lại không muốn phải bỏ sức lao động để kiếm tiền.

Sự tha hóa về đạo đức muốn cải tạo để cho nó tốt hơn không phải là việc làm một sớm một chiều, không dễ làm cũng như không phải của riêng ai; Bác Hồ đã nói “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người” thật đúng lắm thay.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI GIAN TỚI

### 3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chính là tăng cường sự phòng vệ cho chính bản thân của từng con người trong xã hội, đó là tăng cường sự phòng vệ cho nền an ninh, kinh tế, chính trị của cả đất nước. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phương thức tốt nhất để kéo giảm tình hình tội phạm xảy ra trong cả nước cũng như tại Tp.HCM; tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là trách nhiệm của toàn dân, toàn Đảng và của nhà nước thông qua các biện pháp phổ biến, tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng, chống tội phạm, ngăn chặn tội phạm không để cho tội phạm có điều kiện thực hiện; đây là giải pháp căn cơ nhưng phải được thực hiện dưới sự chỉ đạo của nhà nước, phải có sự kết hợp đồng bộ giữa các ban ngành đoàn thể và phải phổ biến đến từng hộ dân thông qua chính quyền địa phương và đây là việc mà nhà nước và nhân dân cùng làm.

Muốn tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chúng ta phải thực hiện từ hai phía: nhà nước và nhân dân:

*Về phía nhà nước:* Luôn phải giáo dục và tuyên truyền phổ biến pháp luật cũng như phổ biến tình hình các loại tội phạm đang xảy ra, loại tội phạm có khuynh hướng gia tăng, loại tội phạm mới đang có khuynh hướng phát triển trên địa phương hoặc trong cả nước; song song đó nhà nước phải phổ

biến cho nhân dân cách nhận ra đối tượng phạm tội đôi khi vì sai lầm trong nhận thức mà chính người dân đã vô tình trở thành con mồi của tội phạm.

Không những chúng ta tăng cường nhận thức về tội phạm “rõ” mà chúng ta phải tăng cường cả nhận thức về các tội phạm “ẩn”; cái ẩn ở đây không những ‘ẩn’ về số lượng mà “ẩn” cả về phương thức phạm tội; đó chính là những thủ đoạn lừa đảo mới mà trong thời gian ngắn chúng ta chưa nhận biết ra được hoặc do nạn nhân vì lý do tế nhị nào đó không trình báo với các lực lượng chức năng nên chúng ta chưa biết là có sự hiện diện của loại tội phạm này trong xã hội. Trường hợp tội phạm ‘ẩn’ này muốn phác giác phải cần đến sự nhạy bén, sự tinh tế của các cơ quan chức năng có nhiệm vụ điều tra tội phạm; các cơ quan chức năng phải luôn theo dõi những diễn biến bất thường trong xã hội; luôn nắm bắt những thông tin từ quần chúng như những chiêu trò lừa đảo của người nước ngoài như kết bạn với những người phụ nữ Việt Nam để lừa tình sau đó lừa cả tiền mà vì e ngại những người phụ nữ này không dám nói ra; qua các kênh thông tin không chính danh những người làm nhiệm vụ điều tra có thể xác minh nguồn thông tin này, nếu chính xác sẽ đưa ra lời cảnh báo để người dân có biện pháp phòng ngừa, cảnh giác; lúc đó tội phạm “ẩn” sẽ trở thành tội phạm “rõ”.

*Về phía người dân:* Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nạn nhân tiềm tàng của tội phạm được xác định là chủ tài sản; chủ tài sản có thể là cá nhân, pháp nhân, thể nhân hay các cơ quan quản lý nhà nước như các ngân hàng nhà nước. Chính các chủ thể này là đối tượng để tội phạm tấn công dưới mọi hình thức thông qua hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản.

Chính bản thân người nắm giữ tài sản phải có ý thức bảo vệ tài sản của chính mình trước khi được nhà nước thông qua công cụ luật pháp để bảo vệ tài sản của người dân. Người dân phải nhận thức được về quyền sở hữu tài sản của mình; nhận thức được các quy định của pháp luật đối với các giao

dịch dân sự và các giao dịch liên quan đến tài sản; phải luôn cảnh giác cao độ đối với những lời đề nghị hấp dẫn, siêu lợi nhuận từ người khác; phải luôn theo dõi các tin tức về tội phạm trên báo, đài qua đó sẽ tìm hiểu được nguyên nhân và điều kiện nào để tội phạm có thể thực hiện hành vi phạm tội, nguyên nhân điều kiện nào mà người nắm giữ tài sản lại bị mất tài sản vào tay người khác;v...v....

Do vậy, việc tăng cường cho người dân nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của các loại tội phạm không riêng gì tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một trọng trách của nhà nước và của nhân dân (thông qua chính quyền địa phương) chứ không phải riêng của ai cả. Có tăng cường cho người dân nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của các loại tội phạm thì tình hình tội phạm mới được kéo giảm xuống, xã hội sẽ yên bình hơn, kinh tế sẽ phát triển hơn do đó cũng kéo theo cả sự phồn vinh của đất nước.

Các nguyên nhân và điều kiện khách quan của tình hình tội phạm hiện nay đó là:

- Tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, tình trạng thiếu việc làm tạo áp lực lớn đến các vấn đề xã hội, cùng với những tác động tiêu cực và sự xuống cấp về đạo đức, lối sống trong một bộ phận xã hội, nhất là trong thanh, thiếu niên đáng báo động.

- Công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn sơ hở, nhất là lĩnh vực tài chính, thuế, tiền tệ, đất đai, tài nguyên, môi trường, giao thông, trật tự công cộng, biên giới, cửa khẩu, thông tin truyền thông, an toàn thực phẩm; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho giới trẻ còn hạn chế.

- Cấp ủy, chính quyền cơ sở một số nơi chưa thực sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, phát hiện, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật; trách nhiệm của người đứng đầu một số cơ quan,

tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật chưa được đề cao và thực hiện hiệu quả; một số cán bộ, công chức, viên chức chưa đề cao trách nhiệm trong khi thi hành nhiệm vụ, chấp hành không nghiêm quy chế, quy trình công tác, thậm chí vi phạm pháp luật.

- Công tác nắm tình hình, giải quyết các tranh chấp trong nhân dân có nơi, có lúc chưa kịp thời, hiệu quả; công tác thông tin, tuyên truyền, đấu tranh phê phán những hành vi vi phạm pháp luật chưa được coi trọng đúng mức.

- Hệ thống các quy định của pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm còn bất cập; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật hiệu quả còn hạn chế; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ; trang bị phương tiện của một số đơn vị trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình, nhất là trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và tội phạm có yếu tố nước ngoài...

### **3.2. Chú trọng làm rõ các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

Để làm rõ các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM chúng ta phải xem xét về mặt địa lý, kinh tế, điều kiện sinh sống, giáo dục và quản lý nhà nước.

Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay bao gồm 19 quận và 5 huyện, tổng diện tích 2.095,06 km<sup>2</sup>. Phía Bắc giáp tỉnh Đồng Nai; phía Đông giáp tỉnh Bình Dương; phía Nam giáp tỉnh Long An; phía Tây tiếp giáp Biển Đông. Tp.HCM có cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất rất thuận tiện cho việc giao thương bằng đường hàng không; với hệ thống sông sâu và rộng Tp.HCM còn có hai cảng nước sâu là cảng Khánh Hội và cảng Cát Lái nằm trong thành phố rất thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa bằng đường biển từ Tp.HCM đi các nước và ngược lại.

Chính vì những lợi điểm như vậy mà Tp.HCM trở thành điểm đến cho những người làm ăn chân chính và cũng là điểm đến cho những đối tượng tội phạm. Như người viết đã từng nhận định, với chính sách mở cửa để thu hút đầu tư sự phát triển của kinh tế - xã hội kéo theo sự phát triển của tội phạm quá nhanh mà cơ chế quản lý của nhà nước ta không theo kịp đã tạo nên những lỗ hổng về pháp lý; khi mở cửa để thu hút đầu tư đồng thời cũng chính là lúc nhà nước ta nói lỏng quản lý; chính vì sự nói lỏng quản lý cộng với sự phát triển quá nhanh về mặt kinh tế cũng như mặt tội phạm đã dẫn đến tình trạng mất kiểm soát của nhà nước đây chính là nguyên nhân và điều kiện tốt cho tội phạm phát triển dưới mọi hình thức.

Về mặt kinh tế Tp.HCM hầu như đứng đầu trong cả nước về sự phát triển kinh tế một cách bền vững; nhưng, tội phạm về kinh tế cũng đứng đầu trong cả nước với những vụ án lừa đảo lên đến vài ngàn tỷ đồng như vụ án Nguyễn Thị Huyền Như lừa đảo chiếm đoạt tài sản lên đến 4.000 tỷ đồng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, đại án Phạm Công Danh gây thiệt hại 9.000 tỷ đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xây dựng Việt Nam và còn rất nhiều vụ án khác nữa.

Nguyên nhân và điều kiện nào mà các vụ án lừa đảo với số tiền quá lớn lại luôn xảy ra ở Tp.HCM? Chính vì Tp.HCM là trung tâm tài chính lớn của cả nước; là nơi quy tụ tất cả mọi thành phần, mọi giai cấp, mọi ngành nghề trong xã hội; vì mở cửa để thu hút đầu tư nên sự quản lý của nhà nước cũng lỏng lẻo hơn; dân nhập cư tại Tp.HCM cũng nhiều hơn nơi khác; chính vì những nguyên nhân đó đã tạo điều kiện tốt cho tội phạm có cơ hội thực hiện hành vi phạm tội trót lọt trong một thời gian dài mới bị phát hiện.

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2014 thì dân số thành phố Hồ Chí Minh là 8.244.400 người. Tuy nhiên nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của thành phố này năm 2017 là khoảng 14

triệu người; mật độ dân số tương đối dày đặc trên một thành phố có tổng diện tích 2.095,06 km<sup>2</sup> bao gồm 19 quận và 5 huyện (trung bình 6.683 người/km<sup>2</sup>). Số lượng dân nhập cư sinh sống tại Tp.HCM là rất lớn và cũng chính nhờ lực lượng dân nhập cư này đã làm cho nền kinh tế tại Tp.HCM phát triển vượt bậc gần như là một trung tâm tài chính của cả nước.

Nhưng hệ lụy của làn sóng dân nhập cư là sự mất kiểm soát của nhà nước đối với tình hình an ninh, trật tự, chính trị tại Tp.HCM; đây cũng chính là nguyên nhân mà các loại tội phạm không riêng gì tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có điều kiện để phát triển và cũng chính vì sự mất kiểm soát của nhà nước đã tạo điều kiện cho một bộ phận không nhỏ các đối tượng phạm tội không riêng các tội xâm phạm tính mạng, xâm phạm sở hữu mà các đối tượng chống phá nhà nước ta cũng len lỏi trong khắp các ngõ ngách của thành phố để chờ thời cơ nổi dậy gây bất an trong dân chúng như chúng ta đã thấy trong thời gian vừa qua.

Khi xét về mặt giáo dục chúng ta không đơn thuần xét về mặt giáo dục trong học đường mà chúng ta cần phải xét cả về mặt giáo dục phổ biến pháp luật cho người dân. Phổ biến pháp luật là cách tốt nhất để người dân không vi phạm pháp luật, người tốt thì tự bảo vệ mình còn kẻ xấu thì biết sợ mà không làm điều phạm pháp. Nhưng giáo dục về pháp luật phải mang tính thực tiễn, không mang tính hình thức; giáo dục pháp luật phải đạt hiệu quả mà nhà nước đã đề ra; giáo dục pháp luật phải đến được những người, những đối tượng cần được giáo dục. Bên cạnh đó giáo dục pháp luật là phương thức tốt nhất để bổ sung kiến thức pháp luật cho đại đa số người dân còn thiếu kiến thức về pháp luật; nếu mọi người dân đều hiểu biết pháp luật thì sẽ không còn người phạm tội và sẽ không còn người bị hại nữa. Nếu không đạt được những mục đích trên thì tội phạm vẫn còn có cơ hội để thực hiện hành vi phạm tội.

Nếu xét về mặt quản lý nhà nước, chúng ta nhận thấy rằng sự quản lý nhà nước trong những năm gần đây còn lỏng lẻo, thiếu đồng bộ, thiếu sự

ngghiêm minh đưa đến sự mất niềm tin trong đại bộ phận dân chúng; công tác quản lý hành chính đối với khu vực tài chính vẫn còn nhiều hạn chế dù đang trong quá trình khắc phục. Công tác phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM vẫn còn có những hạn chế như sau:

- Biện pháp tuyên truyền, giáo dục của nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa đến được đối tượng trọng điểm nên tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có chiều hướng gia tăng về giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Vì nhà nước ta chưa có chương trình bảo vệ nhân chứng tốt nên người dân còn e ngại không giám tố giác tội phạm vì sợ bị trả thù.

- Công tác bắt giữ, điều tra và xử lý tội phạm còn thiếu thống nhất; quy định của pháp luật chưa đồng bộ; nguồn kinh phí, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác điều tra chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhân lực trong công tác phòng, chống còn thiếu; sự phối hợp trong nghiệp vụ quản lý từ trung ương đến địa phương chưa chặt chẽ dẫn đến việc không quản lý được đối tượng phạm tội tại địa bàn của mình.

Chính những điều nêu trên là nguyên nhân và điều kiện cho tội phạm hoạt động vì thế các lực lượng chức năng làm công tác phòng, chống tội phạm trên địa bàn Tp.HCM cần phải năng động hơn nữa để công việc phòng, chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng được hữu hiệu hơn.

Bên cạnh đó, cần xác định rõ trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành trong phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân trong triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Xây dựng, triển khai thực hiện Đề án công tác Công an bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng; rà soát lại các phương

án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự tại các khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp để bổ sung, chỉnh lý phù hợp với diễn biến tình hình.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; phát huy vai trò của các cơ quan thông tin, báo chí, nhất là thông tin mạng trong việc đấu tranh phê phán những hành vi vi phạm pháp luật, lên án đối với các hành vi phạm tội; tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa”; kịp thời phát hiện, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến; khen thưởng người tốt việc tốt trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Phát huy vai trò của chính quyền và các tổ chức chính trị, xã hội trong công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và quản lý, giáo dục người có tiền án, tiền sự, nghiện ma túy; phát huy vai trò nòng cốt của cơ quan chức năng và nền tảng của gia đình trong việc quản lý, giáo dục con em không vi phạm pháp luật và vướng vào các tệ nạn xã hội.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội và an ninh, trật tự. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020. Tăng cường quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, quản lý cư trú, quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý các hoạt động đầu tư công, thuế, hải quan, tài chính, ngân hàng, môi trường, xây dựng, y tế, quản lý thị trường, an toàn thực phẩm, đất đai, tài nguyên, thông tin, truyền thông, văn hóa, du lịch, v...v... Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp xử lý hành chính, đặc biệt là đẩy mạnh công tác giáo dục đối tượng tại xã, phường, thị trấn; lập hồ sơ đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc và trường giáo dưỡng vì đây chính là mầm mống của tội phạm.

Chỉ đạo các lực lượng chức năng tiếp tục mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; tăng cường các biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật; đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là

trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm; chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm có tổ chức; triệt phá các băng, nhóm tội phạm nguy hiểm, các tụ điểm phức tạp về an ninh, trật tự xã hội, tội phạm hoạt động núp bóng doanh nghiệp theo kiểu “xã hội đen”, sử dụng công nghệ cao, gian lận thương mại và hàng giả trên các tuyến, địa bàn trọng điểm, v...v... không để tội phạm lộng hành đồng thời thúc đẩy tiến độ điều tra, xử lý các vụ án trọng điểm.

Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ về đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật đã nêu trong các Nghị quyết của Quốc hội; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra; chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao năng lực, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và các kỹ năng công vụ cho lực lượng thực thi pháp luật. Thường xuyên kiểm tra việc thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; kịp thời xử lý nghiêm minh các sai phạm, tiêu cực; chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng và triển khai Đề án nâng cấp trang thiết bị cho hoạt động điều tra, khám nghiệm hiện trường, giám định tư pháp, nhất là các thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh trong hoạt động điều tra.

Đẩy nhanh tiến độ và bảo đảm chất lượng các dự án luật, pháp lệnh liên quan đến lĩnh vực phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trình Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội theo chương trình đã đề ra; nâng cao chất lượng công tác xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh và tính khả thi của các quy định của pháp luật. Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; chủ động, kịp thời đề xuất Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản pháp luật theo thẩm quyền của Chính phủ.

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng khoa học- công nghệ, trang bị và nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác phòng, chống tội phạm,

nhất là công tác giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm. Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực các lực lượng chuyên trách đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; chú trọng xây dựng lực lượng bán chuyên trách tham gia công tác phòng ngừa, chống tội phạm và vi phạm pháp luật tại cơ sở.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài, rửa tiền và tội phạm sử dụng công nghệ cao, v...v... Bảo đảm môi trường an ninh, trật tự phục vụ yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; tôn trọng các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; thực hiện tương trợ tư pháp, dẫn độ và chuyển giao người bị kết án phạt tù trong hợp tác quốc tế; tranh thủ các nguồn tài trợ quốc tế về tài chính, khoa học, kỹ thuật phục vụ phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

### **3.3. Giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

Để khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM đòi hỏi nhà nước và nhân dân phải cùng làm. Có loại trừ được nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm thì công tác phòng, chống tội phạm nói chung mới có hiệu quả; công tác phòng, chống tội phạm có hiệu quả thì tình hình tội phạm mới có thể kéo giảm được.

Muốn khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nói chung thì chúng ta có thể đề xuất những giải pháp sau đây:

- Nhà nước muốn làm giảm tình hình tội phạm không có gì hơn là phải giúp người dân hiểu và biết rõ những mưu mô, những thủ đoạn của đối tượng phạm tội, giúp người dân nhận biết được chân tướng của kẻ phạm tội, đề ra những giải pháp căn cơ trong công tác phòng, chống tội phạm và thường

xuyên nhắc nhở việc phòng, chống tội phạm cho người dân thông qua giáo dục, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng một cách thường xuyên không lơ là, ngưng nghỉ.

- Nhà nước không nên che giấu thông tin, đừng sợ người dân biết tình hình tội phạm thực tế xảy ra dẫn đến người dân mất niềm tin vào sự quản lý của nhà nước. Che giấu thông tin là một giải pháp đi ngược lại công tác phòng, chống tội phạm; người dân phải được biết thông tin một cách chính xác, trung thực và đầy đủ để người dân có thể tự bảo vệ cho mình, bảo vệ cho người thân của mình đồng thời cũng góp phần bảo vệ trật tự, an toàn cho xã hội.

- Biện pháp tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật phải sát sao hơn nữa; những điểm đen tệ nạn xã hội phải được quan tâm một cách triệt để vì tội phạm sinh ra từ mọi tầng lớp trong xã hội nhưng những người sống trong những điểm đen về tệ nạn xã hội có nguy cơ trở thành đối tượng phạm tội rất cao; người xưa đã nói “nhỏ cỏ phải nhổ tận gốc” thì khi ta muốn khắc phục nguyên nhân và điều kiện của các loại tội phạm ta cũng phải tìm đến tận gốc rễ của nó để triệt phá. Ngoài ra, chính nhà nước cũng phải hoàn thiện các công tác quản lý, tăng cường các giải pháp xử lý hình sự có tính cách răn đe mạnh hơn đối với các đối tượng tội phạm để tránh tình trạng tái phạm xảy ra sau này.

- Chương trình tái hòa nhập cộng đồng của nhà nước thật sự chưa có hiệu quả, xã hội còn nhìn những người sau khi chấp hành án phạt tù bằng con mắt nghi ngờ; nhà nước chưa có những cơ sở để tiếp nhận để tạo công ăn việc làm cho những người này; khi bước ra khỏi cửa trại giam những người này không biết phải làm gì để mưu sinh với những tháng ngày còn lại? Tương thì tỷ lệ tái phạm rất cao, nhà nước ta nên quan tâm nhiều hơn nữa đến chương trình tái cộng đồng để giúp cho những người sau khi chấp hành án phạt tù có

cơ hội hoàn lương; họ có hoàn lương thì mới giảm được tình hình tội phạm, chương trình tái hòa nhập cộng đồng càng lớn thì trại giam càng nhỏ lại.

- Biện pháp làm tê liệt quá trình chuẩn bị và thực hiện hành vi phạm tội cũng là một biện pháp khá quan trọng trong công tác phòng, chống tội phạm; muốn làm tê liệt quá trình này chúng ta vẫn phải tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội mới có thể làm tê liệt nó được.

Kết quả nghiên cứu tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM cho thấy hầu hết tội phạm được thực hiện trải qua ba giai đoạn: chuẩn bị phạm tội, thực hiện tội phạm và hoàn thành tội phạm; trong đó giai đoạn chuẩn bị phạm tội là giai đoạn có vai trò then chốt trong việc thực hiện tội phạm. Để làm tê liệt quá trình chuẩn bị và thực hiện tội phạm chúng ta cần phải tiến hành như sau:

*Một là:* Lực lượng Công an nhân dân và các lực lượng bán chuyên trách như dân phòng, tổ dân phố trong quá trình quản lý nhân khẩu, tuần tra, kiểm soát nếu phát hiện những dấu hiệu, hành vi chuẩn bị phạm tội hoặc thực hiện tội phạm cần áp dụng ngay các biện pháp thiết yếu ngăn chặn, triệt phá kịp thời không để tội phạm thực hiện đến cùng.

*Hai là:* Nâng cao nhận thức cho chủ tài sản để họ chủ động phát hiện phương thức, thủ đoạn của tội phạm và chủ động phòng, chống.

*Ba là:* Cần thực hiện có hiệu quả và đồng bộ trong công tác tiếp nhận và xử lý thông tin, cần sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để làm rõ hành vi phạm tội. Ngoài ra còn có thể tiếp nhận bằng các kênh thông tin khác nhau nhờ thông qua các cụm an ninh khu vực, thông qua đường dây nóng hoặc các nguồn thông tin từ quần chúng nhân dân; từ đó có thể nhận định, đánh giá tình hình tội phạm để xây dựng kế hoạch phòng, chống tội phạm; phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi phạm tội.

- Ngoài ra thông qua công tác điều tra cũng như xét xử, nhà nước kịp thời phát hiện những sai sót trong công tác quản lý nhà nước, sơ hở của người

bị hại, thủ đoạn của kẻ phạm tội hoặc những phương thức thủ đoạn mới để nhà nước nhanh chóng đưa ra thông tin cảnh báo cho người dân biết để người dân kịp thời cảnh giác.

- Muốn phòng ngừa tội phạm nhà nước ta phải đề ra một kế hoạch, một chiến lược có tính xuyên suốt từ trung ương đến địa phương; các cơ quan chức năng phải hợp tác chặt chẽ, thông tin liên lạc với nhau về tình hình tội phạm xảy ra trên địa phương của mình hay địa bàn mà mình được phân công theo dõi đồng thời tránh để tình trạng những phần tử xấu làm sai lệch thông tin dẫn đến sự mất an ninh trật tự trong địa phương có thể lan rộng đến cả nước; luôn tuân theo sự chỉ đạo quản lý chung nhất mà từ trung ương đến địa phương đã nhất trí thông qua; tránh sự hời hợt lỏng lẻo trong quản lý nhà nước; mọi thông tin về tội phạm đều được thông báo kịp thời kịp lúc để có phương pháp xử lý chung nhất cho cùng một vấn đề xảy ra, tránh tình trạng xử lý theo kiểu cục bộ địa phương.

- Về mặt pháp luật hình sự nhà nước phải kiên quyết xử lý nghiêm các vụ án hình sự về tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng có phải tính cách “trị tội” không nên chỉ có tính cách “răn đe” như hiện nay. Đối với những kẻ chủ mưu, tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây nên hậu quả nghiêm trọng thì cần phải trừng trị với tất cả sự nghiêm khắc của pháp luật.

- Nhà nước phải phân tích một cách khách quan và toàn diện các nguyên nhân và điều kiện của tình trạng phạm tội nói riêng và tình hình tội phạm nói chung để kịp thời đề ra các chương trình phòng, chống tội phạm một cách có hiệu quả trong cả nước.

- Nhà nước phải tăng cường sự giao lưu, hợp tác quốc tế và trao đổi thông tin trong cuộc đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm quốc tế và tội phạm xuyên quốc gia giữa các nước trong khu vực và trên thế giới.

- VKSND có nhiều điều kiện để làm tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xuất phát từ vai trò giám sát các hoạt động tư pháp, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và tích cực trong việc xử lý tội phạm.

- TAND các cấp phải chú trọng việc nâng cao chất lượng xét xử, áp dụng đúng đắn các quy định pháp luật. Thông qua hoạt động xét xử, tòa án kịp thời phát hiện những sai sót trong công tác quản lý nhà nước, sơ hở của người bị hại, phương thức thủ đoạn mới của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tòa án cần tăng cường đưa các vụ án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ra xét xử lưu động, thông qua đó tuyên truyền pháp luật rộng rãi trong quần chúng nhân dân.

- Không có gì tốt hơn là người dân phải tự có ý thức cảnh giác cao độ đối với các loại tội phạm, phải tự bảo vệ tài sản của mình. Người dân nên thường xuyên theo dõi tin tức trên các phương tiện thông tin đại chúng để biết được tình hình tội phạm hiện nay đang diễn biến như thế nào? Có bao nhiêu loại tội phạm mới phát sinh? Tham gia những chương trình phổ biến pháp luật của nhà nước giúp người dân nâng cao nhận thức về pháp luật, có hiểu pháp luật thì chính người dân không vô tình rơi vào trường hợp vi phạm pháp luật hoặc vô tình trở thành con mồi của những đối tượng tội phạm.

- Việc ngăn chặn tội phạm khi đang thực hiện chính là phản ứng tức thì của xã hội đối với hành vi phạm tội đang diễn ra cũng là một cách khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tội phạm một cách hữu hiệu nhất. Nó phải được thực hiện bởi chính chủ sở hữu tài sản bằng cách sau khi chuyển giao tài sản chủ sở hữu cần chủ động kiểm soát tài sản của mình. Ngoài ra, chủ thể tham gia ngăn chặn tội phạm này còn có thể chính là người được giao bán tài sản không rõ nguồn gốc lai lịch với những loại tài sản phải đăng ký quyền sở hữu như nhà đất, xe ô tô, xe gắn máy, v...v... hoặc những tài sản nghi là do phạm tội mà có; những người này cần chủ động khai báo, tố giác tội phạm và phối hợp triệt để với cơ quan có chức năng khi được yêu cầu.

- Người dân phải góp phần vào việc tăng cường và nâng cao các biện pháp phòng ngừa xã hội; người dân phải coi trọng việc phòng ngừa tội phạm từ trong gia đình; nghĩa là trong gia đình phải nâng cao và phát huy lối sống đạo đức, coi trọng: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; biết tôn trọng pháp luật nhằm chống suy thoái đạo đức; nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần cảnh giác và luôn có trách nhiệm trong công tác tham gia phòng, chống tội phạm; tham gia vào phong trào mang tính chất cộng đồng tại địa phương để tạo sự gắn kết giữa các người dân trong khu phố, trong địa phương mình đang sinh sống; qua những phong trào cộng đồng tại địa phương người dân sẽ học hỏi thêm được các điều hay lẽ phải từ những người xung quanh đồng thời cũng có thể phát giác được những người có nguy cơ tiềm ẩn là tội phạm trong tương lai để kịp thời cảnh báo cho các cơ quan chức năng, kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội hoặc kịp thời uốn nắn con người này thành một người tốt cho xã hội.

### **Kết luận chương 3**

Qua chương 3, ta thấy việc phòng, chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng là trách nhiệm của toàn xã hội không phải của riêng ai. Tội phạm đối với xã hội luôn được xem là một cái ung nhọt cần được chữa trị hoặc nhổ bỏ; nhưng chữa trị bằng cách nào? Nhổ bỏ bằng cách nào? Muốn chữa trị thậm chí muốn nhổ bỏ chúng ta lại phải tìm ra cái gốc rễ của nó, cái gốc rễ của tội phạm chính là những nguyên nhân đã hình thành nên nó và điều kiện nào khiến nó phát triển để cấu thành hành vi phạm tội?

Do đó, muốn phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có hiệu quả chúng ta cần đề ra các giải pháp căn cơ; tìm ra và loại trừ những hành vi được xem là nguyên nhân hoặc điều kiện của tội này; đồng thời phải làm tê liệt quá trình chuẩn bị phạm tội vì đó là quá trình then chốt trong việc thực hiện tội phạm.

Qua những phân tích trên ta thấy: để phòng, chống tội phạm nói chung một cách có hiệu quả nhà nước phải đề ra những giải pháp thiết thực, có tính cách lâu dài, nâng cao kiến thức pháp luật của người dân, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao biện pháp nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách như lực lượng Công an nhân dân hoặc lực lượng bán chuyên trách như dân phòng, v...v...

Từ những kết quả nghiên cứu trên, người viết đã mạnh dạn đề xuất một số biện pháp để khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có thể áp dụng trong công tác phòng, chống tội phạm nói chung ngõ hầu góp một phần nhỏ trong việc ổn định và loại bỏ những phần tử xấu trong xã hội; nâng cao sự hiểu pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của người dân góp phần xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh; một xã hội an ninh, trật tự và ổn định; là điểm thu hút đầu tư của các nước trên thế giới và cũng là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam.

## KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu sách, báo, tài liệu về “*Nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*” để viết nên quyển luận văn này, người viết có thể rút ra được một kết luận chung cho đề tài này như sau:

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, thông qua việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật.

Khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ta thấy đây chính là những hiện tượng xã hội tiêu cực, là mối quan hệ không thể tách rời, nếu chỉ có nguyên nhân mà không có điều kiện thì sẽ không phát sinh hành vi phạm tội, sẽ không tạo ra kết quả của tội phạm và ngược lại; đây chính là tính nhân quả trong tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đồng thời đây chuyển mối liên hệ nhân quả này không chỉ là một nên cùng một hậu quả có thể do nhiều nguyên nhân và điều kiện tác động lên nó và đôi khi chỉ một nguyên nhân nhưng sinh ra nhiều hậu quả khác nhau; ngoài ra, tội phạm cũng phát triển theo sự phát triển của xã hội - kinh tế - chính trị nên chúng có tác động qua lại lẫn nhau làm cho hành vi phạm tội càng ngày càng tinh vi hơn, đa dạng hơn và gây hậu quả nghiêm trọng hơn so với thời gian trước đây.

Sự hình thành hành vi phạm tội của chủ thể phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản không phải là một hành động tức thời mà là một hành động có dự mưu, có tính toán trong một thời gian dài; chủ thể có thể thực hiện một mình hay là một tổ chức có sự phân công phân nhiệm rất rõ ràng; chủ thể của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thường rất ranh ma xảo quyệt và biến hóa theo sự phát triển của xã hội nên rất khó để nắm bắt nó; đồng thời đối tượng phạm tội

luôn dựa vào sự sơ hở của hệ thống pháp luật và sự sơ hở của người bị hại để chuẩn bị phương thức phạm tội cho phù hợp.

Vì sự tiến hóa của tội phạm này rất nhanh nên kế hoạch phòng, chống loại tội phạm này cũng phải năng động để bắt kịp đà tiến hóa của tội phạm. Kế hoạch phòng, chống tội phạm của nước ta hiện nay thật sự đang theo khuynh hướng chống là chính còn kế hoạch phòng thì chưa được triển khai tốt. Vị trí phòng, chống tội phạm của Tòa án, viện kiểm sát còn rất mờ nhạt hầu như công tác phòng, chống tội phạm chỉ được triển khai ở cơ quan Công an từ trung ương đến địa phương nhưng sự điều hành không chặt chẽ, quản lý thì lỏng lẻo, hiện tượng giấy chủ quyền nhà giả, tràn lan trên thị trường đã là điều kiện tốt để đối tượng phạm tội thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Các chính sách hình sự vẫn còn mang tính răn đe chưa quyết liệt, chương trình phổ biến pháp luật chưa mang lại hiệu quả như mong muốn, các chương trình giáo dục cải tạo trong trại giam chưa tốt nên khi chấp hành xong hình phạt tù có nguy cơ tái phạm rất cao; chương trình bảo vệ nhân chứng trong việc tố giác tội phạm chưa mang lại niềm tin cho nhân dân nên nhân dân rất e ngại khi tố giác tội phạm, thậm chí có những trường hợp người tố giác bị rò rỉ thông tin từ người nhận tố giác dẫn đến người tố giác bị trả thù một cách tàn bạo; chính sách tái hòa nhập cộng đồng vẫn mang tính hình thức, chưa thật sự cuốn hút được những người chấp hành xong hình phạt tù để người chấp hành xong hình phạt tù có một việc làm ổn định có thể nuôi sống bản thân; xã hội chưa có một cái nhìn thiện cảm đối với những người chấp hành xong hình phạt tù nên họ khó có thể kiếm được việc làm như những người bình thường đồng thời bên cạnh họ có thể có những người xấu rủ rờ sẵn sàng bao bọc cho họ trong cơn túng quẫn thì việc tái phạm chỉ là việc sẽ xảy ra khi nào mà thôi.

Là một học viên, tuy còn rất hạn hẹp trong kiến thức, nhưng với tâm huyết và với lòng nhiệt tình muốn đóng góp cho đất nước những ý kiến tuy rất nhỏ nhoi nhưng hy vọng sẽ là một que diêm trong bó đuốc; từ những kết quả nghiên cứu người viết đã mạnh dạn chỉ ra những thiếu sót trong công tác quản lý của nhà nước, mạnh dạn đề xuất những ý kiến trong công tác phòng, chống tội phạm để góp phần làm trong sạch xã hội, làm giảm tình hình tội phạm nói chung để xã hội được ổn định, văn minh và trật tự.

Người viết tin tưởng rằng sau khi bảo vệ và nghiệm thu, đề tài sẽ góp phần được một phần nào trong việc phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Tp.HCM cũng như cả nước, đồng thời bổ sung thêm tài liệu giảng dạy, học tập trong các trường đào tạo chuyên ngành Luật học.

Tuy nhiên, đây là một đề tài khá mới mẻ, phạm vi đề tài rộng và kiến thức người viết còn hạn chế nên không tránh khỏi những điều thiếu sót. Rất mong sự đóng góp của quý hội đồng và các anh chị học viên để đề tài được hoàn thiện hơn.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự (2000), *Tài liệu hội nghị tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự năm 1999*.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 20/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
4. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
5. Bộ Công an - Học viện Cảnh sát nhân dân (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Nxb. Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
6. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
7. Chính phủ (2011), *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011, nghị định quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*.
8. Nguyễn Ngọc Chí (1988), *Đối tượng của các tội xâm phạm sở hữu*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật (số 2, tr. 18)
9. Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân - Hà Nội.
10. Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân - Hà Nội.
11. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Tư pháp.

12. Phạm Văn Lợi (2007), *Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Tư Pháp - Hà Nội.
13. Dương Tuyết Miên (2007), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động - Xã hội.
14. Dương Tuyết Miên (2013), *Tội phạm học đương đại*, Nxb Chính trị - Hành chính.
15. Phòng Quản lý nghiên cứu khoa học - Bộ Công an (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Nxb. Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
16. Quốc hội (1990), *Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 1985*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội.
17. Quốc hội (2000), *Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 1999*, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tổ tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 2004*, Nxb Thanh niên, Tp.HCM.
19. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 1999 sửa đổi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự phân các tội phạm*, tập II, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Hồ Sỹ Sơn (2013), *Tập bài giảng, tình hình tội phạm, nguyên nhân và phòng ngừa tội phạm ở nước ta hiện nay*.
22. Phạm Văn Tĩnh (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội - Cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng, chống tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát (số 01, tr. 18)
23. Phạm Văn Tĩnh (2004), *Xác định hệ đặc điểm chuyên biệt của tình hình tội phạm do từng loại người phạm tội gây ra là một phương pháp khả thi và hữu hiệu trong việc nghiên cứu và đánh giá tình hình tội phạm*, Tạp chí Kiểm Sát (số tháng 09, tr. 17)

24. Phạm Văn Tinh (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 06, tr. 73)
25. Phạm Văn Tinh (2011), *Tập bài giảng, Khoa học pháp lý Việt Nam và yêu cầu nâng cao trình độ lý luận theo tinh thần nghị quyết XI của Đảng*,
26. Phạm Văn Tinh (2011), *Phòng ngừa tội phạm và vấn đề bảo vệ quyền con người - Một nghiên cứu liên ngành tội phạm học và nhân quyền học*, Tạp chí thông tin tội phạm học, (số 07, tr. 7)
27. Phạm Văn Tinh (2014), *Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 03, tr. 74)
28. Trần Hữu Tráng (2011), *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
29. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*.
30. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm*.
31. TAND Tp.HCM (2012), *bản án số 26/2012/HSST*
32. TAND Tp.HCM (2012), *bản án số 52/2012/HSST*
33. TAND Tp.HCM (2012), *bản án số 57/2012/HSST*
34. TAND Tp.HCM (2012), *bản án số 62/2012/HSST*
35. TAND Tp.HCM (2012), *bản án số 75/2012/HSST*
36. TAND Tp.HCM (2013), *bản án số 148/2013/HSST*
37. TAND Tp.HCM (2013), *bản án số 163/2013/HSST*
38. TAND Tp.HCM (2013), *bản án số 170/2013/HSST*

39. TAND Tp.HCM (2013), *bản án số 172/2013/HSST*
40. TAND Tp.HCM (2013), *bản án số 185/2013/HSST*
41. TAND Tp.HCM (2014), *bản án số 31/2014/HSST*
42. TAND Tp.HCM (2014), *bản án số 34/2014/HSST*
43. TAND Tp.HCM (2014), *bản án số 40/2014/HSST*
44. TAND Tp.HCM (2014), *bản án số 58/2014/HSST*
45. TAND Tp.HCM (2014), *bản án số 65/2014/HSST*
46. TAND Tp.HCM (2015), *bản án số 18/2015/HSST*
47. TAND Tp.HCM (2015), *bản án số 25/2015/HSST*
48. TAND Tp.HCM (2015), *bản án số 41/2015/HSST*
49. TAND Tp.HCM (2015), *bản án số 70/2015/HSST*
50. TAND Tp.HCM (2015), *bản án số 102/2015/HSST*
51. TAND Tp.HCM (2016), *bản án số 201/2016/HSST*
52. TAND Tp.HCM (2016), *bản án số 207/2016/HSST*
53. TAND Tp.HCM (2016), *bản án số 282/2016/HSST*
54. TAND Tp.HCM (2016), *bản án số 287/2016/HSST*
55. TAND Tp.HCM (2016), *bản án số 288/2016/HSST*
56. TAND Tp.HCM (2017), *bản án số 135/2017/HSST*
57. TAND Tp.HCM (2017), *bản án số 140/2017/HSST*
58. TAND Tp.HCM (2017), *bản án số 141/2017/HSST*
59. TAND Tp.HCM (2017), *bản án số 146/2017/HSST*
60. TAND Tp.HCM (2017), *bản án số 152/2017/HSST*
61. TAND Q.1 Tp.HCM (2014), *bản án số 112/2014/HSST*
62. TAND Q.1 Tp.HCM (2014), *bản án số 280/2014/HSST*
63. TAND Q.1 Tp.HCM (2015), *bản án số 18/2015/HSST*
64. TAND Q.1 Tp.HCM (2015), *bản án số 197/2015/HSST*
65. TAND Q.1 Tp.HCM (2015), *bản án số 352/2015/HSST*

66. TAND Q.1 Tp.HCM (2015), *bản án số 390/2015/HSST*
67. TAND Q.PN Tp.HCM (2015), *bản án số 21/2015/HSST*
68. TAND Q.PN Tp.HCM (2015), *bản án số 22/2015/HSST*
69. TAND Q.PN Tp.HCM (2015), *bản án số 43/2015/HSST*
70. TAND Q.PN Tp.HCM (2016), *bản án số 63/2016/HSST*
71. TAND Q.PN Tp.HCM (2017), *bản án số 42/2017/HSST*
72. TAND Q.PN Tp.HCM (2017), *bản án số 57/2017/HSST*
73. Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Trần Văn Độ, Trần Đình Nhã, Nguyễn Ngọc Hòa, Đặng Quang Phương, Ngô ngọc Thủy, Phạm Văn Tĩnh (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
74. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1994), *Tội phạm học - Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Trịnh Tiến Việt (2016), *Kiểm soát xã hội đối với tội phạm*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
77. Võ Khánh Vinh (2009), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.
78. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân.